

Số: /KH-UBND

Quảng Nam, ngày tháng năm 2024

KẾ HOẠCH
Chuyển đổi số tỉnh Quảng Nam năm 2024

Thực hiện Công văn số 6074/BTTTT-CĐSQG ngày 06/12/2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông về hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương chuyển đổi số cấp bộ, cấp tỉnh; theo đề nghị của Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 365/TTr-STTTT ngày 25/12/2023; UBND tỉnh ban hành Kế hoạch chuyển đổi số tỉnh Quảng Nam năm 2024 như sau:

Phần I
ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2023

I. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số năm 2023

1. Về nâng cao nhận thức

- UBND tỉnh đã chỉ đạo các cấp, các ngành tăng cường và đổi mới công tác tuyên truyền, phổ biến các nghị quyết, quyết định, chương trình, kế hoạch của Trung ương, của tỉnh và nâng cao nhận thức, kiến thức về chuyển đổi số đến cán bộ, công chức, viên chức tại các cơ quan, đơn vị hành chính nhà nước cũng như tạo được sự lan tỏa, đồng thuận của người dân, tổ chức và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Giao nhiệm vụ cho Sở Thông tin và Truyền thông hướng dẫn, chỉ đạo các cơ quan báo chí, Bản tin, Cổng/Trang Thông tin điện tử, hệ thống thông tin cơ sở trên địa bàn tỉnh tập trung, đẩy mạnh tuyên truyền trên nhiều phương tiện truyền thông về công tác chuyển đổi số tỉnh Quảng Nam, trong đó:

+ Triển khai tuyên truyền trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh (địa chỉ: quangnam.gov.vn); Tuyên truyền trên Chuyên trang Chuyển đổi số tỉnh Quảng Nam (tại địa chỉ: chuyendoiso.quangnam.gov.vn); đồng thời tuyên truyền trên các nền tảng Mạng xã hội (gồm: Zalo 1022 Quảng Nam; fanpage Facebook 1022 Quảng Nam, ứng dụng Smart Quang Nam...);

+ Xây dựng 06 “Bản tin điện tử Chuyển đổi số tỉnh Quảng Nam”; sản xuất 05 phóng sự truyền hình và 19 tin video về CĐS phát trong chương trình Bản tin tổng hợp hằng tuần và đồng thời đăng trên Chuyên trang Chuyển đổi số, Cổng TTĐT tỉnh và các trang Mạng xã hội (gồm: Zalo 1022 Quảng Nam; fanpage Facebook 1022 Quảng Nam, ứng dụng Smart Quang Nam...);

+ Sản xuất 04 bản tin phát thanh tuyên truyền về Chuyển đổi số, cung cấp phát sóng trên Đài Truyền thanh của 241 xã, phường, thị trấn (mỗi bản tin 10 phút); đã tham gia viết 02 bài về CĐS đăng trên Trang Chuyển đổi số quốc gia tại địa chỉ <https://t63.mic.gov.vn>; viết 02 câu chuyện chuyển đổi số gửi Bộ Thông tin và Truyền

thông biên tập In sách Câu chuyện Chuyển đổi số năm 2023; ngoài ra, bộ phận truyền thông của Sở còn sản xuất các tin bài để đăng trên báo Vietnamnet, Báo Quảng Nam, Đài Phát thanh - Truyền hình Quảng Nam và gửi nội dung, hình ảnh cho các cơ quan thông tấn, báo chí tuyên truyền về kết quả CDS của Quảng Nam.

- Xây dựng chuyên mục truyền thông nâng cao nhận thức về chuyển đổi số, thương mại điện tử cho cộng đồng trên Đài Phát thanh - Truyền hình Quảng Nam; Đăng tải các chương trình truyền hình lên website: www.qrt.vn; đăng tải hơn 300 tác phẩm về chuyển đổi số trên Báo Quảng Nam. Báo Quảng Nam đã tập trung tuyên truyền những mô hình, cách làm hay trong chuyển đổi số, nhằm hướng đến lợi ích của người dân và doanh nghiệp. Đặc biệt tuyên truyền những hoạt động của thanh niên gắn với chuyển đổi số trong Tháng thanh niên; thông tin kết quả cải cách hành chính; nỗ lực tháo gỡ khó khăn về nhân lực, về hạ tầng trong chuyển đổi số ở cơ sở; các hoạt động đẩy mạnh chuyển đổi số; nỗ lực ngăn chặn tình trạng những nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp...

- Các cơ quan báo chí ngoài tỉnh đã tích cực tuyên truyền, đưa tin về các sự kiện, hoạt động, các kết quả đạt được về công tác cải cách hành chính, chuyển đổi số của tỉnh, như: Báo điện tử VietNamnet đã đăng 20 bài viết, phỏng vấn chuyên sâu và hơn 150 tin, bài tuyên truyền khác về chuyển đổi số tỉnh Quảng Nam; các cơ quan báo chí hợp tác truyền thông về tỉnh Quảng Nam, gồm: Thông tấn xã Việt Nam, Báo Nhân dân, Truyền hình Quốc hội Việt Nam, Trung tâm Truyền hình Việt Nam khu vực Miền Trung - Tây Nguyên (VTV8), Cơ quan thường trú khu vực miền Trung - Đài Tiếng nói Việt Nam (VOV); các cơ quan báo chí, phóng viên thường trú địa bàn tỉnh Quảng Nam cũng đã có nhiều tin, bài viết, phỏng vấn chất lượng về tuyên truyền cải cách hành chính và chuyển đổi số tỉnh Quảng Nam.

- Tổ chức chuỗi sự kiện nhân ngày chuyển đổi số quốc gia 10/10 như diễn tập An toàn thông tin, khánh thành Trung tâm tích hợp dữ liệu, mạng diện rộng SD WAN, Trung tâm giám sát an toàn thông tin - SOC, Hội thảo, hội nghị chuyển đổi số, Khai mạc cuộc thi tìm hiểu Cải cách hành chính, Chuyển đổi số trên sóng truyền hình tỉnh Quảng Nam.

** Các địa phương đã tích cực tuyên truyền ngày chuyển đổi số quốc gia 10/10:*

- Tuyên truyền trực quan: băng rôn, phướn, tổ chức diễu hành,...

- Tuyên truyền bằng hình thức sân khấu hóa: các xã, phường của thành phố Tam kỳ đã tổ chức các cuộc thi, liên hoan tuyên truyền về chuyển đổi số hưởng ứng Ngày chuyển đổi số quốc gia 10/10. Mô hình Ngày thứ 5 Nghe dân nói của phường An Mỹ. Mô hình “Ngày thứ 7 - Ngày công dân số” tại phường Tân Thạnh, An Xuân.

- Tiếp tục triển khai Tổ xung kích “Ngày thứ 5 trực tuyến” tại Bộ phận một cửa huyện Thăng Bình. Triển khai gắn QR code tại di tích lịch sử Mộ Tiều La - Nguyễn Thành.

- Viết tin, bài đăng trên Cổng thông tin điện của địa phương, tuyên truyền trên các trang mạng xã hội facebook, zalo,...

- Xây dựng chuyên mục, các video, phóng sự về hoạt động chuyển đổi số, đặc

biệt phát huy vai trò của Tổ công nghệ cộng đồng và thanh niên trong công tác chuyển đổi số.

- Tổ chức phát động hưởng ứng, tuyên truyền hướng dẫn người dân thanh toán không dùng tiền mặt tại các điểm chợ trên địa bàn.

2. Về hoàn thiện chính sách, quy định cho chuyển đổi số

- HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 sửa đổi Điều 2 Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 17/9/2020 của HĐND tỉnh về Đề án Phát triển ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng chính quyền số tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021-2025.

- UBND tỉnh ban hành nhiều Quyết định, Kế hoạch, Công văn chỉ đạo về công tác chuyển đổi số (*Danh mục các văn bản về chuyển đổi số ban hành năm 2023 tại phụ lục I đính kèm*).

3. Về phát triển hạ tầng số

- Tính đến tháng 12/2023, toàn tỉnh hiện có 1.428.322 thuê bao điện thoại (trong đó số thuê bao điện thoại cố định là 20.067, số thuê bao điện thoại di động là 1.408.255); Số thuê bao internet băng rộng là 931.306 (trong đó số thuê bao internet cố định là 261.425, số thuê bao internet di động là 669.881). Tỷ lệ thuê bao điện thoại thông minh đạt 76,8%.

- Toàn tỉnh phát triển được 2.112 trạm BTS, đường truyền cáp quang đã kéo đến: cấp xã 100% (241/241), cấp thôn: 96,5 % (1.197/1.240); sóng thông tin di động 3G, 4G đã phủ sóng cấp xã: 100% (241/241), cấp thôn: 94,8% (1.176/1.240); 81,8% nhà văn hóa thôn có wifi (1014/1240).

- Đã triển khai kết nối với mạng truyền số liệu chuyên dùng đến 100% các xã trên địa bàn tỉnh.

- Triển khai nâng cấp hạ tầng Trung tâm dữ liệu tỉnh, đảm bảo năng lực triển khai chính quyền số, đô thị thông minh, hướng đến sử dụng công nghệ điện toán đám mây.

- Nâng cấp, mở rộng hệ thống mạng WAN của tỉnh kết nối đến cấp xã.

- Hệ thống Hội nghị truyền hình hiện có 8/20 điểm cầu Sở, Ban, ngành, 18/18 điểm cầu cấp huyện, 238/241 điểm cầu xã, phường, thị trấn.

- Các địa phương cũng đã tập trung triển khai nâng cấp hạ tầng CNTT: mạng LAN, hệ thống máy tính, Hội nghị truyền hình để phục vụ cho việc triển khai CDS tại địa phương.

4. Về phát triển dữ liệu số

a) Tình hình triển khai các CSDL chuyên ngành

Hầu hết các ngành đã xây dựng CSDL chuyên ngành và triển khai các hệ thống thông tin phục vụ công tác quản lý nhà nước của ngành, lĩnh vực. Tổng số CSDL Trung ương, CSDL chuyên ngành của tỉnh đang triển khai: 86 hệ thống, trong đó có 55 hệ thống của Trung ương triển khai, 31 hệ thống CSDL chuyên ngành của

tỉnh. Cụ thể một số CSDL chuyên ngành như sau:

- Lĩnh vực y tế: đã triển khai hệ thống hồ sơ sức khỏe, phần mềm tiêm chủng quốc gia; phần mềm giám sát và báo cáo bệnh truyền nhiễm; phần mềm tiêm chủng dịch vụ trực tuyến; phần mềm quản lý bệnh tăng huyết áp, phần mềm quản lý chất thải y tế.

- Lĩnh vực giáo dục: triển khai hệ thống quản lý trường học đến 100% các trường công lập, cập nhật đầy đủ thông tin giáo viên, học sinh, tạo lập học bạ điện tử (tỷ lệ đạt 50%). Đã triển khai CSDL ngành giáo dục đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, hệ thống Trung tâm điều hành giáo dục thông minh - IOC Edu Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh.

- Lĩnh vực nông nghiệp: Hệ thống quản lý thông tin dịch bệnh động vật Việt Nam (Vahis); Ứng dụng VRain trên điện thoại (<http://Vrain.vn>) theo dõi thông tin lượng mưa tại các trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng; Hệ thống quản lý, giám sát rừng tỉnh Quảng Nam; Phần mềm Hệ thống giám sát tàu cá của Tổng cục Thủy sản; Phần mềm ứng dụng hỗ trợ việc điều hành, quản lý, ứng phó trong công tác sơ tán dân; App Phòng chống thiên tai ứng dụng trên điện thoại, máy tính.

- Lĩnh vực du lịch: đã triển khai phần mềm Quản lý CSDL Di sản, di tích trên địa bàn tỉnh; đưa vào sử dụng hệ thống phần mềm Du lịch thông minh trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, hệ thống này được sử dụng tại Trung tâm thông tin xúc tiến Du lịch Quảng Nam, có khả năng chia sẻ, dùng chung cho các ứng dụng, dịch vụ du lịch của tỉnh và cả nước.

- Lĩnh vực tài nguyên và môi trường: đã xây dựng và triển khai một số phần mềm như: Phần mềm TMV-LIS Hệ thống thông tin đất đai Quảng Nam; Phần mềm Hệ thống thông tin Môi trường tỉnh Quảng Nam; Phần mềm Hệ thống Quan trắc tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam (iLotusLand) đầu tư năm 2020; đang triển khai thử nghiệm Phần mềm quản lý giao dịch điện tử hồ sơ đất đai liên thông điện tử với Dịch vụ công tỉnh và cơ quan Thuế.

- Lĩnh vực Giao thông vận tải: triển khai thí điểm Ứng dụng Hệ thống Thông tin Địa lý (GIS) trong công tác công bố, công khai thông tin quy hoạch. Triển khai Phần mềm quản lý hạ tầng giao thông (GIS); Phần mềm Quản lý, kiểm tra và giám sát bảo trì đường bộ (GOVONE) và nhiều phần mềm do Bộ Giao thông vận tải phát triển trên các lĩnh vực của ngành.

- Thực hiện Quyết định số 1623/QĐ-UBND ngày 03/8/2023 của UBND tỉnh về Phê duyệt danh mục nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số năm 2023, trong số 19 cơ sở dữ liệu chuyên ngành dự kiến triển khai trong năm 2023, đến nay đang triển khai 01 CSDL, đã thẩm định 04 CSDL, đang thẩm định 02 CSDL, 03 CSDL yêu cầu bổ sung hoàn thiện, 07 CSDL chưa trình, 02 CSDL đang chờ ý kiến của Sở Tài chính.

b) Về kết nối với các hệ thống thông tin, CSDL của các Bộ, ngành Trung ương

Về kết nối với các hệ thống thông tin, CSDL của các Bộ, ngành Trung ương (theo Phụ lục II đính kèm).

5. Nền tảng số

- Duy trì, cập nhật Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Quảng Nam phù hợp Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam và triển khai áp dụng Kiến trúc Chính quyền điện tử của tỉnh đã được phê duyệt.

- Về triển khai kết nối chia sẻ dữ liệu qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP):

+ Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP) được duy trì hoạt động ổn định phục vụ kết nối, liên thông, đồng bộ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin. Tất cả các ứng dụng có dữ liệu dùng chung được kết nối, chia sẻ qua LGSP.

+ Hiện có 37/86 dịch vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu qua LGSP (đạt tỷ lệ 43%), kết nối các hệ thống như các CSDL của TW, các CSDL dùng chung của tỉnh (Qoffice, hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh, CSDL Cán bộ, công chức, hệ thống IOC tỉnh, smart, egov Quảng Nam), các CSDL chuyên ngành. Tổng số giao dịch từ đầu năm 2023 đến nay là 265.659.149 giao dịch, tỷ lệ thành công 99,8%.

- Có 20/20 dịch vụ dữ liệu có trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) được đưa vào sử dụng chính thức.

- Về kết nối với các hệ thống thông tin, CSDL của các Bộ, ngành Trung ương:

+ Đối với nhiệm vụ kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu kết quả giải quyết thủ tục hành chính với Kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân trên Cổng Dịch vụ công quốc gia để chia sẻ, tái sử dụng dữ liệu đã được số hóa: đã kết nối, tích hợp hệ thống, cho phép đồng bộ kho số hóa dữ liệu kết quả TTHC từ cổng DVC của tỉnh với Cổng DVC QG để chia sẻ, tái sử dụng dữ liệu.

+ Đối với nhiệm vụ kết nối với hệ thống định danh và xác thực điện tử: đã tích hợp dịch vụ xác thực (đăng nhập/đăng xuất) với hệ thống định danh và xác thực điện tử, cho phép công dân có thể sử dụng định danh điện tử để đăng nhập trên Cổng DVC của tỉnh. Sở TTTT đã có văn bản yêu cầu VNPT (đơn vị triển khai hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh) thực hiện kết nối tích hợp thông tin giấy tờ và thực hiện lấy thông tin công dân từ việc quét QR code trên ứng dụng VNeID.

+ Về kết nối với phần mềm dịch vụ công liên thông của Bộ Công an: đã triển khai hạ tầng, kỹ thuật kết nối hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh với hệ thống phần mềm dịch vụ công liên thông, phối hợp với Cục Cảnh sát QLHC về TTXH, Bộ Công an cung cấp thông tin máy chủ (Dev-Test (Internet): URL, SecretKey; Pro (qua SS): URL. DST code, IP SS, SecretKey), hoàn thành đưa API lên hệ thống Pro.

- Về triển khai ứng dụng smart, egov Quảng Nam, 1022 Quảng Nam:

+ Tính đến ngày 30/11/2023, số liệu lượt tải cài đặt Smart Quảng Nam tổng cộng 51.054 lượt, trong đó Bản IOS (phiên bản 2.4.5): 16.733; Bản Android (phiên bản 1.5.5): 34.321. Ứng dụng egov Quảng Nam: tổng số lượt cài đặt ứng dụng 2952 lượt cài đặt, trong đó IOS (phiên bản 1.5.2): 453; Android (phiên bản 1.5.2): 2.499

+ Triển khai tổng đài dịch vụ công 1022: Từ ngày 01/11/2023 đến ngày

30/11/2023, Tổng đài Thông tin Dịch vụ công 1022 tỉnh (Tổng đài 1022) đã tiếp nhận 13014 lượt thông tin, phản ánh kiến nghị, trong đó: có 3765 cuộc gọi qua số tổng đài 0235.1022, tương tác qua các kênh 1022 gồm: Email (114 lượt), Facebook (1139 lượt), Zalo (882 lượt), Website, App (86 lượt), Chatbot (7028 lượt) của người dân, doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh liên quan đến các phạm vi tiếp nhận, trả lời của Tổng đài 1022. Về kết quả xử lý: đã có 12842/13014 thông tin phản ánh, kiến nghị đã được xử lý (tỉ lệ xử lý thông tin đạt 98,7%). Có 172 phản ánh kiến nghị Đài 1022 đã chuyển về Sở, Ngành và địa phương đã xử lý 154 PAKN, còn 18 PAKN nhưng chưa có kết quả phản hồi.

- Triển khai Trung tâm thông tin chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh (IOC):

+ Văn phòng UBND tỉnh đã phối hợp với Sở Tài chính, VNPT Quảng Nam bổ sung chỉ tiêu khai thác các báo cáo ngân sách hàng ngày trên hệ thống báo cáo ngân sách của Bộ Tài chính trên IOC tỉnh, gồm 3 loại: Thu NSNN, Thu NSDP, Chi NS, từ tỉnh đến huyện. Đã thể hiện thành các dashboard trên IOC.

+ UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai thử nghiệm Trung tâm điều hành thông minh cấp huyện. Đến nay đã có 7 IOC cấp huyện đã khai trương, đưa vào vận hành chính thức¹, có 6 huyện, thành phố đang triển khai thử nghiệm².

- Triển khai thực hiện đề tài Nghiên cứu ứng dụng Chatbot trong Công dịch vụ Hành chính công và Công Thông tin điện tử của tỉnh. Đề xuất Bộ Thông tin và Truyền thông đầu tư phát triển hạ tầng viễn thông trên địa bàn tỉnh Quảng Nam nhằm đảm bảo nhu cầu thông tin liên lạc, chuyển đổi số, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, an ninh chính trị, phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ trên địa bàn tỉnh.

6. Về nhân lực số

- Hiện trạng nguồn nhân lực CNTT, chuyển đổi số: Hiện nay, tổng số công chức, viên chức làm nhiệm vụ chuyên trách/kiêm nhiệm về công nghệ thông tin, chuyển đổi số của tỉnh là 336 người, trong đó lực lượng chuyên trách là 92 người (70 cấp tỉnh, 22 cấp huyện); lực lượng kiêm nhiệm là 244 người (01 cấp tỉnh; 02 cấp huyện, 241 cấp xã).

- Tuy nhiên, nguồn nhân lực CNTT trong các CQNN cấp tỉnh, cấp huyện chưa đáp ứng được nhu cầu, vẫn còn thiếu cán bộ lãnh đạo và cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin (đặc biệt là thiếu cán bộ chuyên trách CNTT cấp huyện), chưa có khả năng triển khai các hệ thống ứng dụng tác nghiệp và xử lý sự cố an toàn thông tin. Trong thời gian qua, tỉnh thường xuyên tổ chức các lớp đào tạo nâng cao trình độ, kỹ năng cho cán bộ phụ trách CNTT trên địa bàn tỉnh với các nội dung đào tạo về quản trị, vận hành các hệ thống ứng dụng dùng chung, quản trị trang thông tin điện tử, an toàn bảo mật thông tin, ứng cứu sự cố máy tính, ...

- Hiện nay trên địa bàn tỉnh có 241/241 xã đã thành lập tổ công nghệ cộng đồng với 1.200 tổ công nghệ số cộng đồng với gần 6.200 người tham gia. Đã tổ chức

¹ Bùc Trà My, Duy Xuyên, Hiệp Đức, Nam Trà My, Đông Giang, Nông Sơn, Đãi L.

² Hải An, Phước Sơn, Núi Thành, Phú Ninh, Thăng Bình, Tiên Phước

tập huấn cho 100% thành viên tổ công nghệ cộng đồng để triển khai nhiệm vụ.

- Năm 2023, tổng số cán bộ được đào tạo, tập huấn về chuyển đổi số là gần 15.380 người trong đó:

+ Tỉnh tổ chức cho hơn 2.180 người (tập huấn về chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, viên chức; tập huấn công tác quản lý đầu tư, chi cho chuyển đổi số; tập huấn số hoá trong tiếp nhận giải quyết thủ tục hành chính; Tập huấn cho thành viên tổ công nghệ cộng đồng; Tổ chức tập huấn về ứng dụng công nghệ thông tin chuyển đổi số phục vụ xây dựng nông thôn mới).

+ Ngoài ra, các đơn vị, địa phương đã tổ chức tập huấn chuyển đổi số cho 13.200 cán bộ công chức viên chức. Thông qua các chương trình tập huấn, bồi dưỡng đã giúp cho công chức, viên chức củng cố được kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong công việc, góp phần tạo nền hành chính hiện đại, công khai, minh bạch ở chính quyền các cấp.

7. Đảm bảo an toàn thông tin mạng

- Đã tổ chức triển khai đầy đủ các giải pháp đảm bảo an toàn thông tin theo mô hình 4 lớp theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông như sau:

+ Thuê dịch vụ giám sát an toàn thông tin (SOC) đối với các hệ thống của tỉnh nhằm kịp thời phát hiện, ngăn chặn các nguy cơ tấn công, xâm nhập hệ thống mạng trái phép; thường xuyên hướng dẫn, cảnh báo các đơn vị về các lỗ hổng bảo mật và các giải pháp tăng cường đảm bảo an toàn thông tin.

+ Tiếp tục duy trì hoạt động hệ thống giám sát mã độc tập trung (EDR) kết nối chia sẻ dữ liệu mã độc về Cục an toàn thông tin theo quy định.

+ Tổ chức kiểm tra, đánh giá định kỳ về an toàn thông tin đối với các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh.

- Tổ chức diễn tập thực chiến an toàn thông tin mạng cho gần 100 cán bộ chuyên trách CNTT trên địa bàn tỉnh.

- Về phê duyệt cấp độ an toàn thông tin: UBND tỉnh ban hành 06 Quyết định Phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin.³

- Cấp huyện đã phê duyệt cấp độ an toàn thông tin cho 06 hệ thống⁴.

³ Quyết định số 1908/QĐ-UBND ngày 20/7/2022 Phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin đối với Hệ thống một cửa điện tử và dịch vụ công trực tuyến tỉnh Quảng Nam;

Quyết định số 1909/QĐ-UBND ngày 20/7/2022 Phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin đối với Hệ thống thư điện tử công vụ tỉnh Quảng Nam;

Quyết định số 1665/QĐ-UBND ngày 22/6/2022 Phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin đối với Hệ thống Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh Quảng Nam;

Quyết định số 3154/QĐ-UBND ngày 18/11/2022 Phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin đối với Hệ thống Công thông tin điện tử tỉnh Quảng Nam;

Quyết định số 3155/QĐ-UBND ngày 18/11/2022 Phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin đối với Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành của tỉnh (Qoffice);

Quyết định số 3548/QĐ-UBND ngày 26/12/2022 Phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin đối với Hệ thống Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu tỉnh Quảng Nam.

⁴ Quyết định số 45/QĐ-VHTT ngày 30/10/2023 Phòng VHTT TP Tam Kỳ Phê duyệt cấp độ và phương án an toàn hệ thống thông tin đối với Hệ thống mạng Lan của UBND phường Tân Thành

Quyết định số 44/QĐ-VHTT ngày 30/10/2023 Phòng VHTT TP Tam Kỳ Phê duyệt cấp độ và phương án an toàn hệ thống thông tin đối với Hệ thống mạng Lan của UBND phường An Xuân

Quyết định số 43/QĐ-VHTT ngày 30/10/2023 Phòng VHTT TP Tam Kỳ Phê duyệt cấp độ và phương án an toàn hệ thống thông tin đối với Hệ thống mạng Lan của UBND phường An Sơn

8. Chính quyền số

- Đã triển khai hệ thống quản lý văn bản Qoffice tập trung đến tất cả các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh, kết nối trực liên thông văn bản chính phủ và tích hợp chữ ký số chuyên dùng, phục vụ gửi nhận văn bản điện tử. Hiện nay, tất cả các đơn vị đã thực hiện gửi nhận văn bản điện tử (không kèm bản giấy) đối với hầu hết các văn bản thông thường.

- Ứng dụng chứng thư số, chữ ký số được triển khai đến 100% cơ quan nhà nước của tỉnh, từ cấp tỉnh đến cấp xã. Đến thời điểm hiện tại đã cấp được 4.799 chứng thư số, chữ ký số cho tổ chức và cá nhân, trong đó: 873 chứng thư số cho tổ chức; 3.926 chữ ký số cho cá nhân, đáp ứng yêu cầu đảm bảo an toàn thông tin mạng trong gửi, nhận thông điệp điện tử, văn bản điện tử và chứng thực điện tử. Các cơ quan, đơn vị đã ứng dụng hiệu quả chữ ký số được cấp, đáp ứng kịp thời nhu cầu cấp thiết của cơ quan trong việc bảo đảm xác thực và bảo mật thông tin, 100% văn bản điện tử gửi đi được thực hiện ký số, phục vụ hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành, tiết kiệm chi phí, tạo được môi trường làm việc hiện đại, góp phần tích cực trong việc cải cách hành chính và nâng cao hiệu quả công việc, tăng tính công khai, minh bạch trong quản lý điều hành công việc.

- Hệ thống thư điện tử công vụ của tỉnh được duy trì hoạt động ổn định, 100% cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan hành chính nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp xã đều được cấp hộp thư điện tử công vụ. Số lượng tài khoản cấp cho các cơ quan đơn vị trên địa bàn toàn tỉnh là 30.335 tài khoản. Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức thường xuyên sử dụng thư điện tử trong trao đổi công việc đạt 100%.

- Về tình hình triển khai Hệ thống thông tin giải quyết TTHC và DVC TT:

+ Đã hợp nhất Cổng Dịch vụ công với Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh thành hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tập trung duy nhất của tỉnh, đáp ứng yêu cầu kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cổng Dịch vụ công quốc gia và số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính. Phần mềm cơ bản đáp ứng tiếp nhận, điều phối và xử lý hồ sơ trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính.

+ Đã cấu hình 1887 thủ tục hành chính, khai báo 2.745 quy trình, 205 biểu mẫu; đã khai báo 56.211 tài khoản người dùng là cán bộ, công chức

+ Triển khai cung cấp Dịch vụ công trực tuyến: Cổng dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh đã kết nối với Cổng Dịch vụ công Quốc gia. Cung cấp, công khai 1.305 DVCTT trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia (trong đó có 1.289 dịch vụ công trực tuyến toàn trình) phục vụ nhu cầu giải quyết TTHC của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh. Hiện nay, UBND tỉnh đã ban hành các Quyết định số 1059/QĐ-UBND ngày 25/5/2023, Quyết định số 1778/QĐ-UBND ngày 22/8/2023, Quyết định số 1888/QĐ-UBND ngày 07/9/2023 Phê duyệt Danh mục DVC trực tuyến gồm 1.237 DVC toàn trình và 442 DVC một phần.

- + Tỷ lệ DVCTT toàn trình: : 1237/1289, tỷ lệ 95,9%.
- + Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến năm 2023: 76162/99483, tỷ lệ 76,55%.
- + Tỷ lệ TTHC được triển khai thanh toán trực tuyến: 304/459, tỷ lệ 66%.
- + Tỷ lệ TTHC có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến: 127/304, tỷ lệ 41,78%.
- + Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến: 7155/32329, tỷ lệ 22,1%.
- + Về triển khai biên lai điện tử: hiện nay đã có 15/18 Sở (bao gồm 03 Sở không thu phí); 16/18 huyện; 236/241 xã đã triển khai biên lai điện tử.
- Về số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính: 169.556/234.154, Tỷ lệ 72,4%, trong đó:
 - + Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết và cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh: 69.573/106.121, tỷ lệ 65,6%.
 - + Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết và cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện: 81,8%.
 - + Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết và cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã: 77,2%.
- Hiện nay, Kho lưu trữ điện tử dùng chung của tỉnh đã triển khai thử nghiệm, Sở Thông tin và Truyền thông đã tổ chức 02 lớp tập huấn, sử dụng Kho lưu trữ dữ liệu và số hóa hồ sơ cho các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh để các cơ quan, đơn vị, địa phương sử dụng, khai thác có hiệu quả Kho lưu trữ dữ liệu của tỉnh, chữ ký số tập trung, hướng dẫn về các chức năng của hệ thống lưu trữ điện tử và ký số tập trung, chữ ký số cá nhân, tạo lập chính lý và lưu trữ hồ sơ, bóc tách thông tin kết quả giải quyết thủ tục hành chính.
- Về kết nối với phần mềm dịch vụ công liên thông với Bộ Công an: đã triển khai hạ tầng, kỹ thuật kết nối hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh với hệ thống phần mềm dịch vụ công liên thông, phối hợp với Cục Cảnh sát QLHC về TTXH, Bộ Công an cung cấp thông tin máy chủ (Dev-Test (Internet): URL, SecretKey; Pro (qua SS): URL. DST code, IP SS, SecretKey), hoàn thành đưa API lên hệ thống Pro.

9. Phát triển kinh tế số

- Thực hiện Kế hoạch số 6247/KH-UBND ngày 17/9/2021 của UBND tỉnh về Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa triển khai chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025; Kế hoạch số 246/KH-UBND ngày 12/01/2023 của UBND tỉnh về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2023-2025, trong năm 2023, tỉnh Quảng Nam đã triển khai tuyên truyền, tập huấn hướng dẫn các doanh nghiệp nhỏ và vừa ứng dụng các nền tảng số nhằm tối ưu hóa hoạt động, nâng cao năng lực và lợi thế cạnh tranh tạo ra các giá trị mới cho doanh nghiệp.
- Tích cực chỉ đạo, hỗ trợ, đôn đốc doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh tham gia chuyển đổi số trong hoạt động sản xuất, kinh doanh.

- Tuyên truyền, hỗ trợ các doanh nghiệp ứng dụng công nghệ số trong kinh doanh: website, sàn thương mại điện tử, mua bán trực tuyến, thanh toán trực tuyến, hợp đồng điện tử, nộp thuế điện tử, hóa đơn điện tử, sử dụng phần mềm kế toán, quản lý nội bộ...; đưa sản phẩm OCOP, đặc sản địa phương lên sàn TMĐT (phối hợp Bưu điện: sàn Postmart.vn, bưu chính Viettel: sàn Voso.vn).

- Đến nay, trên 50% doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh đã ứng dụng nền tảng số trong hoạt động quản trị nội bộ, sản xuất, kinh doanh với mức độ khác nhau; 100% doanh nghiệp phát sinh số thuế phải nộp đã thực hiện nộp thuế điện tử; việc quản lý nhân sự, hàng hóa, thu chi kế toán được thực hiện bằng phần mềm; 100% doanh nghiệp đã triển khai sử dụng hóa đơn điện tử; 100% siêu thị, trung tâm thương mại có thiết bị thanh toán POS không dùng tiền mặt; nhiều doanh nghiệp thực hiện đặt hàng hoặc nhận đơn hàng thông qua các ứng dụng thương mại điện tử, qua đó nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, thúc đẩy hoạt động khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, kinh tế số của tỉnh.

- Theo thống kê của Bộ Thông tin và Truyền thông, Quảng Nam có 24.368 giao dịch trên sàn thương mại điện tử; 5.896 sản phẩm trên sàn thương mại điện tử; 188.662 hộ sản xuất nông nghiệp được đào tạo kỹ năng số.

10. Phát triển xã hội số

- Tập trung triển khai phủ rộng mạng cáp quang, di động băng thông rộng tạo môi trường thuận lợi trong công tác chuyển đổi số. Tăng cường phổ cập, khuyến khích người dân sử dụng dữ liệu di động tốc độ cao 4G và sử dụng thiết bị di động thông minh. Đến nay, trên địa bàn tỉnh có 76,8% thuê bao điện thoại thông minh.

- Tập trung triển khai Tổ CNCĐ đến các thôn, khối phố. Hiện nay 18/18 huyện, thị xã, thành phố triển khai thành lập tổ công nghệ cộng đồng cấp thôn, trên địa bàn tỉnh có 241/241 xã đã thành lập tổ công nghệ cộng đồng với 1.200 tổ công nghệ số cộng đồng với trên 6.200 người tham gia..

- Đa dạng hóa các kênh thông tin giao tiếp giữa chính quyền và nhân dân trên địa bàn xã qua Trang TTĐT xã, đài truyền thanh, Zalo. Tạo các nhóm zalo trong xã, thôn để cung cấp thông tin nhanh chóng đến cho người dân. Đang triển khai thực hiện thường xuyên thông qua đài phát thanh, các nền tảng mạng xã hội.

- Đẩy mạnh triển khai chuyển đổi số, thanh toán không dùng tiền mặt trong các trường học, cơ sở giáo dục và bệnh viện, cơ sở y tế, trong các chợ, cơ sở kinh doanh trên địa bàn tỉnh. Các ngân hàng, các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ như VNPT, Viettel, Mobile đã tăng cường công tác truyền thông, hướng dẫn; phối hợp với chính quyền các cấp, tổ CNCĐ để triển khai hướng dẫn cho người dân cài đặt, sử dụng; hướng dẫn tiêu thương triển khai các mô hình chợ 4.0. Đến nay số tài khoản đã được kích hoạt: VNPT hơn 20.000; Viettel được hơn 35.800; Mobifone 7.906 thuê bao.

- Đẩy mạnh triển khai thúc đẩy phát triển công dân số; khuyến khích mỗi người dân tuổi thành niên đều có danh tính số. Tính đến tháng 11/2023, toàn tỉnh đã kích hoạt 732.857 tài khoản định danh điện tử, vượt chỉ tiêu được giao.

III. Đánh giá chung

1. Kết quả đạt được

- Thời gian qua, công tác chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh đã được tổ chức chỉ đạo triển khai thực hiện quyết liệt, qua đó đã đạt được một số kết quả ban đầu quan trọng, tạo nền tảng để tổ chức triển khai thực hiện công cuộc chuyển đổi số của tỉnh trong giai đoạn tiếp theo.

- Nhận thức của các cấp, các ngành và người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh về chuyển đổi số được nâng lên rõ rệt.

- UBND tỉnh, các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố đã ban hành cơ bản đầy đủ hệ thống các văn bản chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện chuyển đổi số, quan tâm bố trí kinh phí, nguồn nhân lực để thực hiện chuyển đổi số.

- Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm công tác chuyển đổi số từng bước được nâng cao trình độ để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong thời gian tới.

2. Tồn tại, hạn chế

- Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các CSDL chuyên ngành với các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh, hệ thống IOC, smart Quảng Nam còn hạn chế, chưa phát huy được tối đa hiệu quả của các CSDL. Đến nay, còn nhiều CSDL chưa kết nối với hệ thống LGSP của tỉnh, nguyên nhân là do các CSDL xây dựng trước đây chưa có dịch vụ kết nối, cần nâng cấp, bổ sung tính năng chia sẻ dữ liệu.

- Hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị công nghệ thông tin ở nhiều cơ quan, đơn vị, địa phương chưa đáp ứng được yêu cầu, chưa có mô hình kết nối mạng thống nhất, đồng bộ, thiếu các giải pháp về bảo mật, đảm bảo an toàn thông tin, dẫn đến nguy cơ về mất an toàn thông tin.

3. Khó khăn, vướng mắc

- Hiện nay, cán bộ tư pháp, hộ tịch tại địa phương phải sử dụng nhiều phần mềm (06 phần mềm, trừ phần mềm dùng chung của tỉnh); phải nhập lại cùng nội dung thông tin trên các phần mềm khác nhau.

- Nguồn nhân lực làm công tác chuyển đổi số ở các đơn vị còn thiếu, phần lớn là cán bộ kiêm nhiệm nên khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện công tác chuyển đổi số ở đơn vị, địa phương.

- Một số thôn chưa được phủ sóng 3G,4G, hầu hết nằm ở khu vực vùng sâu, vùng xa, biên giới, đây là các khu vực địa hình khó khăn, ít người. Việc đầu tư hạ tầng viễn thông là do doanh nghiệp viễn thông đầu tư theo kế hoạch phát triển kinh doanh và từ nguồn vốn của doanh nghiệp. Ở các khu vực miền núi việc đầu tư hạ tầng viễn thông còn hạn chế vì phụ thuộc vào hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.

- Hiện nay, chưa có kinh phí hỗ trợ cho tổ công nghệ cộng đồng hoạt động nên khó khăn để duy trì công tác hướng dẫn, tuyên truyền người dân thực hiện chuyển đổi số.

Phần II

NỘI DUNG KẾ HOẠCH

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

- Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng năm 2030.
- Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.
- Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030".
- Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.
- Quyết định số 505/QĐ-TTg ngày 22/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ về Ngày Chuyển đổi số quốc gia.
- Quyết định số 964/QĐ-TTg ngày 10/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược An toàn, An ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn 2030.
- Kế hoạch số 6863/KH-UBND ngày 23/11/2020 của UBND tỉnh về Ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng giai đoạn 2021-2025.
- Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 12/4/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về về chuyển đổi số tỉnh Quảng Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.
- Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 17/9/2020 của HĐND tỉnh về Đề án Phát triển ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng chính quyền số tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021-2025.
- Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 sửa đổi Điều 2 Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 17/9/2020 của HĐND tỉnh về Đề án Phát triển ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng chính quyền số tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021-2025.
- Quyết định số 2322/QĐ-UBND ngày 08/9/2022 của UBND tỉnh về Ban hành Danh mục mã định danh điện tử các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc UBND tỉnh Quảng Nam.
- Quyết định số 1587/QĐ-UBND ngày 31/7/2023 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 17/9/2020 của HĐND tỉnh về Đề án Phát triển ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng chính quyền số tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021-2025 và Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 của HĐND tỉnh về sửa đổi Điều 2 Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 17/9/2020 của HĐND tỉnh.

- Quyết định số 2768/QĐ-UBND ngày 25/12/2023 của UBND tỉnh phê duyệt nội dung duy trì, cập nhật Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Quảng Nam (Phiên bản 2.0).

- Kế hoạch số 5642/KH-UBND ngày 25/8/2022 của UBND tỉnh về thực hiện Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

- Kế hoạch số 4438/QĐ-UBND ngày 06/7/2023 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Chiến lược An toàn, An ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn 2030.

II. Mục tiêu

1. Mục tiêu tổng quát

- Xây dựng các nền tảng, phát triển hạ tầng CNTT-TT hiện đại, đồng bộ, ứng dụng CNTT sâu rộng, phát triển nguồn nhân lực CNTT-TT, nâng cao an toàn thông tin trong toàn hệ thống chính trị nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả chỉ đạo, điều hành, thúc đẩy cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh; phát triển theo hướng bền vững phục vụ người dân, xã hội ngày một tốt hơn, nâng cao sự hài lòng, chất lượng cuộc sống của người dân; ứng dụng các thành tựu của cuộc CMCN 4.0 hướng đến nền kinh tế số, xã hội số góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội nhanh, bền vững, đảm bảo quốc phòng, an ninh trên địa bàn tỉnh. Phân đầu nâng cao chỉ số chuyển đổi số (DTI), chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), chỉ số Hiệu quả quản trị và Hành chính công cấp tỉnh (PAPI), chỉ số đo lường sự hài lòng của người dân (SiPas), chỉ số cải cách hành chính (PAR Index).

- Hiện đại hoá, nâng cao năng lực hoạt động công tác quản lý, điều hành trong các quản lý đô thị; cải thiện mối liên kết giữa Chính quyền - người dân - doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân; tạo lập nền tảng xây dựng và phát triển các chuỗi dịch vụ, sản phẩm chất lượng cao, có tính kết nối và mang lại những lợi ích về kinh tế - xã hội cho các đô thị lớn trong khi vẫn giúp đô thị tăng cường năng lực gìn giữ, bảo tồn các giá trị văn hoá vật thể và phi vật thể.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Phát triển Chính quyền số

- Trên 95% tỷ lệ hồ sơ công việc tại cấp tỉnh, trên 85% tỷ lệ hồ sơ công việc tại cấp huyện, trên 65% tỷ lệ hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng.

- 100% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền các cấp được thực hiện trên hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh; được tích hợp, kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống dùng chung của tỉnh và liên thông với hệ thống thông tin báo cáo quốc gia.

- 100% CSDL tạo nền tảng phát triển chính quyền điện tử, chuyển đổi số của tỉnh được kết nối, chia sẻ; mở dữ liệu của các cơ quan nhà nước để cung cấp DVC kịp thời, một lần khai báo, trọn vòng đời phục vụ người dân và phát triển KTXH.

- 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến toàn trình và dịch vụ công trực tuyến một phần và được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động; Duy trì kết nối, chia sẻ thông tin giữa Cổng dịch vụ công tỉnh với Cổng dịch vụ công quốc gia.

- 95% dịch vụ công trực tuyến được thiết kế, thiết kế lại nhằm tối ưu hóa trải nghiệm người dùng, khi sử dụng được điền sẵn dữ liệu mà người dùng đã cung cấp trước đó; 90% người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được định danh và xác thực thông suốt, hợp nhất trên tất cả các hệ thống của các cấp chính quyền từ trung ương đến địa phương.

- 90% người dân và doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết TTHC.

- 100% tỷ lệ DVC được hỗ trợ giải đáp thắc mắc cho người dân, doanh nghiệp.

- 100% các nhà văn hóa thôn, khối phố có lắp đặt wifi phục vụ người dân.

2.2. Phát triển kinh tế số

- Phần đầu kinh tế số chiếm từ 10% GRDP của tỉnh.

- Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu trên 2%.

- Phần đầu năng suất lao động hàng năm tăng tối thiểu 7%

- Phần đầu tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hóa đơn điện tử đạt 100%.

- Phần đầu tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt 35%.

- 100% sản phẩm xuất khẩu có thể mạnh, sản phẩm chủ lực, đặc trưng, sản phẩm OCOP của tỉnh tham gia các sàn thương mại điện tử lớn trong và ngoài nước.

2.3. Phát triển xã hội số

- Phần đầu tỷ lệ hộ gia đình có đường Internet cáp quang băng rộng đạt trên 80%.

- Tỷ lệ hộ gia đình có người có điện thoại thông minh đạt 85%.

- Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh đạt trên 80%.

- Phổ cập dịch vụ mạng di động 4G/5G và điện thoại di động thông minh.

- 100% các trường học có ứng dụng công nghệ số trong công tác dạy học và hoạt động quản lý; 100% trường học, cơ sở giáo dục sử dụng các phương thức thanh toán không dùng tiền mặt để thanh toán học phí.

- 100% các bệnh viện tuyến tỉnh, huyện kết nối với bệnh viện tuyến trên phục vụ khám chữa bệnh qua nền tảng công nghệ số. 100% các bệnh viện tuyến tỉnh, Trung tâm Y tế huyện, thị xã, thành phố triển khai thanh toán điện tử không dùng tiền mặt. Phần đầu đạt trên 90% người dân tỉnh Quảng Nam có hồ sơ sức khỏe điện tử.

2.3. Mục tiêu về phát triển hạ tầng CNTT và an toàn thông tin

- 100% tỷ lệ giao dịch trên Cổng Dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa

điện tử của tỉnh được xác thực điện tử.

- Tối thiểu 70% hệ thống thông tin được xác định cấp độ và triển khai phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ.

- 100% CBCCVC và người lao động của các cơ quan được tuyên truyền, phổ biến về thói quen, trách nhiệm và kỹ năng cơ bản bảo đảm an toàn thông tin.

- 100% cán bộ chuyên trách CNTT của các cơ quan được đào tạo, bồi dưỡng về an toàn thông tin.

III. NHIỆM VỤ

1. Nhận thức số

- Hướng dẫn, chỉ đạo các cơ quan báo chí, Bản tin, Cổng/ Trang Thông tin điện tử, hệ thống thông tin cơ sở trên địa bàn tỉnh tập trung, đẩy mạnh tuyên truyền trên nhiều phương tiện truyền thông về công tác chuyển đổi số tỉnh Quảng Nam.

- Tổ chức triển khai hiệu quả, có ý nghĩa thiết thực các hoạt động, sự kiện hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2024.

- Tìm kiếm những sáng kiến, cách làm, mô hình điển hình về chuyển đổi số của cơ quan nhà nước, doanh nghiệp, người dân trên địa bàn tỉnh ể thực hiện tuyên truyền, phổ biến, nhân rộng.

- Tổ chức các lớp tập huấn, tuyên truyền về chuyển đổi số cho cán bộ công chức, các tổ CNCĐ, người dân, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp OCOP....

- Các đơn vị, địa phương chỉ đạo cán bộ công chức, viên chức tham gia vào kênh truyền thông chuyển đổi số quốc gia để được cập nhật kịp thời thông tin mới nhất về chuyển đổi số phục vụ công tác.

2. Thể chế số

- Ban hành các Kế hoạch: Kế hoạch chuyển đổi số năm 2024, Kế hoạch tuyên truyền chuyển đổi số năm 2024, Kế hoạch tổ chức Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2024 trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, Kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa nhỏ chuyển đổi số.

- Xây dựng, ban hành các Quy chế về khai thác, vận hành các hệ thống thông tin dùng chung, tạo khung khổ pháp lý để thúc đẩy quá trình chuyển đổi số, phục vụ có hiệu quả việc xây dựng, phát triển Chính quyền số.

- Xem xét ban hành, trình HĐND tỉnh ban hành các chính sách về Chuyển đổi số: chính sách tỷ lệ chi tối thiểu và hướng dẫn định mức chi cho ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số; chính sách thuê chuyên gia chuyển đổi số; chính sách Quy định mức hỗ trợ kinh phí cho hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

- Thực hiện kiểm tra tình hình xây dựng, phát triển, vận hành các CSDL chuyên ngành, kết nối, chia sẻ dữ liệu tại các cơ quan đơn vị trên địa bàn tỉnh.

- Báo cáo tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 12/4/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Chuyển đổi số tỉnh Quảng Nam đến năm

2025, định hướng đến năm 2030.

- Các địa phương Ban hành Kế hoạch hoạt động tổ công nghệ cộng đồng.

3. Hạ tầng số

- Tiếp tục nâng cấp hạ tầng Trung tâm dữ liệu tỉnh, đảm bảo năng lực triển khai Chính quyền số và đô thị thông minh; Nâng cấp, mở rộng hệ thống mạng WAN của tỉnh kết nối đến cấp xã.

- Xây dựng phòng họp trực tuyến tại các đơn vị, địa phương.
- Nâng cấp hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị công nghệ thông tin tại các đơn vị, địa phương.
- Rà soát, xóa các vùng lùm sóng trên địa bàn, bảo đảm tốc độ mạng viễn thông di động.
- Nâng cấp hạ tầng CNTT tại UBND cấp xã, lắp đặt Wifi tại các nhà văn hóa thôn, khối phố.

4. Dữ liệu số

- Thực hiện kết nối, chia sẻ hiệu quả dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP); Khai thác triệt để thông tin, dữ liệu đã có từ các cơ sở dữ liệu quốc gia với các hệ thống của tỉnh.

- Triển khai xây dựng các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin chuyên ngành theo Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 17/9/2020 và Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 của HĐND tỉnh.

- Xây dựng các bộ CSDL mở, Cổng dịch vụ dữ liệu mở của tỉnh.
- Tiếp tục hoàn thiện Kho lưu trữ điện tử dùng chung của tỉnh.

5. Nền tảng số

- Cập nhật, xây dựng Kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh phiên bản 3.0 bảo đảm phù hợp với Khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, phiên bản 3.0 do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành.

- Triển khai ứng dụng Nền tảng Trợ lý ảo: Trợ lý ảo hỗ trợ công chức, viên chức; Trợ lý ảo phục vụ người dân, doanh nghiệp.

- Xây dựng Kho cơ sở dữ liệu dùng chung tỉnh Quảng Nam: đây là nền tảng tổng hợp, phân tích dữ liệu tập trung cấp tỉnh.

6. Nhân lực số

- Triển khai đào tạo nhân lực số trong cơ sở giáo dục đào tạo cao đẳng, đại học và sau đại học, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

- Triển khai bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng số cho công chức, viên chức, cán bộ chuyên trách CNTT.

- Triển khai tập huấn kỹ năng số cho tổ Công nghệ cộng đồng, người dân.
- Các địa phương bố trí nhân lực CNTT cho các phòng VH&TT huyện.

- Tổ chức hội nghị, hội thảo về chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, an toàn thông tin.

7. An toàn thông tin mạng

- Tổ chức triển khai nhiệm vụ bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ cho các hệ thống thông tin. Các nhóm việc cần triển khai bao gồm: Xây dựng và phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ; Triển khai phương án bảo vệ theo hồ sơ đã được phê duyệt; Thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ.

- Triển khai các giải pháp phòng, chống mã độc tập trung, kết nối chia sẻ thông tin với hệ thống tập trung của Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Hoàn thành phân loại, xác định, phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin, phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ phù hợp với quy định của pháp luật, tiêu chuẩn quốc gia về an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

- Triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ các hệ thống thông tin đang vận hành.

- Duy trì, mở rộng phạm vi, quy mô trung tâm giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng (SOC), kết nối và chia sẻ thông tin, dữ liệu với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia.

- Tổ chức diễn tập thực chiến bảo đảm an toàn thông tin mạng năm 2024.

- Tiếp tục triển khai các nhiệm vụ, giải pháp tại Quyết định số 830/QĐ-TTg ngày 01/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình “Bảo vệ và hỗ trợ trẻ em tương tác lành mạnh, sáng tạo trên môi trường mạng giai đoạn 2021 - 2025”.

8. Chính quyền số

- Tiếp tục triển khai cung cấp DVCTT toàn trình và một phần theo chỉ đạo của Chính phủ; triển khai đầy đủ quy định về số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính để có thể tái sử dụng.

- Triển khai nhiệm vụ về số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính còn hiệu lực thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, giai đoạn 2021-2025 theo Kế hoạch số 8079/KH-UBND ngày 12/11/2021, cập nhật, lưu trữ dữ liệu trên hệ thống lưu trữ điện tử dùng chung của tỉnh đảm bảo đầy đủ, đúng quy định.

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả Hệ thống quản lý văn bản và điều hành, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, Hệ thống thư điện tử, Cổng thông tin điện tử Hệ thống thông tin báo cáo, Cổng dữ liệu mở và Kho dữ liệu dùng chung ... bảo đảm an toàn thông tin khi trao đổi văn bản trên môi trường mạng.

- Tiếp tục tổ chức triển khai thực hiện các nội dung, nhiệm vụ của Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 17/9/2020; Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Quyết định số 1587/QĐ-UBND ngày 31/7/2023 của UBND tỉnh. Hướng dẫn, đôn đốc các đơn vị triển khai thực hiện; thẩm định các hồ sơ nhiệm vụ ứng dụng CNTT của các đơn vị theo quy định, đảm bảo tuân thủ Kiến

trúc chính quyền điện tử tỉnh Quảng Nam.

- Triển khai có hiệu quả các hệ thống Trung tâm điều hành thông minh (IOC), ứng dụng Smart Quảng Nam, Egov Quảng Nam hệ thống phản ánh kiến nghị 1022, chatbot 1022, trên cơ sở đẩy mạnh kết nối, khai thác dữ liệu, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của các hệ thống.

- Tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia năm 2023 trên địa bàn tỉnh Quảng Nam; tập trung đồng bộ triển khai các giải pháp, biện pháp, xây dựng các mô hình về chuyển đổi số để triển khai thực hiện kịp thời, có hiệu quả các nhiệm vụ của Đề án 06 và Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 23/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ tại tỉnh năm 2024 theo Kế hoạch số 7384/KH-UBND ngày 30/10/2023 của UBND tỉnh.

- Đẩy mạnh phát triển dữ liệu số và kết nối, chia sẻ dữ liệu: xây dựng hoàn thành và đưa vào sử dụng các CSDL chuyên ngành ưu tiên thực hiện trong năm 2024 theo danh mục tại phụ lục 3 kèm theo Kế hoạch này. Triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các CSDL chuyên ngành với nền tảng tích hợp chia sẻ dữ liệu (LGSP) của tỉnh, cung cấp dữ liệu mở theo Quyết định số 2316/QĐ-UBND ngày 30/10/2023. Đưa vào vận hành khai thác kho dữ liệu dùng chung của tỉnh.

- Triển khai hệ thống ký số tập trung, ký số qua SIM CA theo hướng dẫn của Ban Cơ yếu Chính phủ, đưa vào sử dụng các ứng dụng hỗ trợ ký số trên điện thoại thông minh nhằm đảm bảo thuận lợi, tiện ích trong công tác chỉ đạo, điều hành qua môi trường mạng.

9. Kinh tế số

- Xây dựng Kế hoạch phát triển doanh nghiệp công nghệ số giai đoạn 2024 - 2026 và 2026 - 2030.

- Đo lường kinh tế số; Phát triển kinh tế số ngành, lĩnh vực.

- Thúc đẩy tuyên truyền, phổ biến để các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh, thành phố biết để sử dụng các nền tảng số chuyển đổi số doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Triển khai các chương trình, kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ số vào trong quản lý, quy trình sản xuất, phát triển sản phẩm từ ứng dụng công nghệ số.

- Hỗ trợ các doanh nghiệp sử dụng công cụ do Bộ Thông tin và Truyền thông cung cấp để thực hiện đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp.

- Triển khai hỗ trợ đưa hộ sản xuất nông nghiệp lên sàn thương mại điện tử, thúc đẩy phát triển kinh tế số nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn theo hướng dẫn tại Quyết định số 1034/QĐ-BTTTT ngày 21/7/2021 và Quyết định số 350/QĐ-BTTTT ngày 24/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Tuyên truyền, hướng dẫn các hộ nông dân, hợp tác xã tham gia sàn thương mại điện tử giới thiệu quảng bá nông sản.

10. Xã hội số

- Triển khai phổ cập cho người dân sử dụng ứng dụng VNeID, là danh tính số, có giá trị tương đương thẻ Căn cước công dân.

- Đẩy mạnh phát triển xã hội số, phổ cập dịch vụ Internet băng thông rộng đến hộ gia đình và phủ sóng di động 4G/5G.

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng tại các địa phương; triển khai phổ cập cho người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

- Triển khai phổ cập cho người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến; phổ cập cho người dân trưởng thành sử dụng chữ ký số cá nhân; phổ cập cho người dân sử dụng ứng dụng thanh toán số; phổ cập cho người dân được bảo đảm an toàn thông tin mạng ở mức cơ bản.

- Triển khai thực hiện chuyển đổi số trong trường học, trước hết là ứng dụng công nghệ số hiệu quả trong công tác quản lý, quản trị nhà trường; trong công tác giảng dạy và học tập.

- Tổ chức đào tạo tập huấn thông tin tuyên truyền về chuyển đổi số đến người dân; thực hiện lồng ghép triển khai chuyển đổi số trong thực hiện các chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới, Giảm nghèo bền vững; phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt trong các trường học, cơ sở giáo dục và bệnh viện, cơ sở y tế, trong các chợ, hộ kinh doanh...

- Phát triển các nền tảng số phục vụ công tác quản lý hành chính tại bệnh viện; hỗ trợ công tác khám, chữa bệnh tại chỗ và từ xa; phát triển, sử dụng hồ sơ bệnh án điện tử, tiến tới không sử dụng bệnh án giấy.

- Đẩy mạnh việc triển khai sử dụng chữ ký số trong lĩnh vực y tế, giáo dục tích hợp chữ ký số vào các hệ thống phần mềm quản lý trong lĩnh vực y tế, giáo dục để ký số các dữ liệu điện tử, đảm bảo giá trị pháp lý theo quy định.

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, kỹ năng số, tăng cường tương tác với người dân, doanh nghiệp

- Đẩy mạnh các hoạt động truyền thông về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của xây dựng, phát triển Chính quyền số và đô thị thông minh trong sự nghiệp xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội tỉnh. Thực hiện nhiều hình thức thông tin tuyên truyền như: Xây dựng chuyên trang, chuyên mục, phóng sự, tọa đàm, hội thảo, các chương trình truyền hình, các giải pháp truyền thông hiện đại để tuyên truyền rộng rãi về các kế hoạch, hoạt động ứng dụng và phát triển CNTT của tỉnh; nâng cao nhận thức, thay đổi thói quen hành vi, tạo sự đồng thuận của người dân, doanh nghiệp về chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.

- Ứng dụng các kênh truyền thông đa dạng để nâng cao nhận thức, hình thành văn hóa số cho người dân, tạo điều kiện tiếp cận các dịch vụ Chính phủ số; đưa nội dung đào tạo kỹ năng số vào chương trình giảng dạy từ cấp tiểu học; xây dựng/ứng

dụng các nền tảng đào tạo kỹ năng số cho người dân; xây dựng/ứng dụng các nền tảng, kênh tương tác trực tuyến giữa cơ quan nhà nước và người dân, doanh nghiệp; tuyên truyền người dân thường xuyên sử dụng điện thoại thông minh để có thể tiếp cận dịch vụ số mọi lúc, mọi nơi.

2. Phát triển mô hình kết hợp giữa các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp

- Phối hợp doanh nghiệp bưu chính công ích cung cấp dịch vụ công (thông qua mạng bưu chính công cộng, mạng xã hội, ứng dụng của doanh nghiệp); tạo điều kiện, hỗ trợ doanh nghiệp giới thiệu, cung cấp sản phẩm, dịch vụ số;...

- Thực hiện gắn kết chặt chẽ giữa cải cách hành chính với phát triển Chính quyền số; rà soát các TTHC, quy trình nghiệp vụ trong các cơ quan nhà nước theo hướng đơn giản hóa hoặc thay đổi phù hợp để có thể ứng dụng hiệu quả công nghệ số; rà soát loại bỏ một số thủ tục hành chính, quy trình nghiệp vụ khi ứng dụng công nghệ số.

- Cập nhật, nâng cao kiến thức cho cán bộ chuyên trách CNTT các cơ quan nhà nước theo khung chương trình bồi dưỡng về ứng dụng CNTT và an toàn thông tin cho cán bộ chuyên trách, kiêm nhiệm về CNTT do Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn.

- Tăng cường phối hợp với các Tập đoàn CNTT lớn đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng nâng cao, chuyên sâu về CNTT cho cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh.

3. Nghiên cứu, hợp tác để làm chủ, ứng dụng hiệu quả các công nghệ

- Tăng cường nghiên cứu, đề xuất triển khai các giải pháp tích hợp, ứng dụng, sản phẩm CNTT phục vụ xây dựng Chính quyền số, nền kinh tế số, xã hội số, từng bước xây dựng đô thị thông minh dựa trên dữ liệu mở, ứng dụng các công nghệ mới như trí tuệ nhân tạo (AI), chuỗi khối (Blockchain), Internet kết nối vạn vật (IoT), dữ liệu lớn (Big Data), giao diện lập trình ứng dụng mở (Open API)...trên địa bàn tỉnh.

- Tăng cường hợp tác, chia sẻ kinh nghiệm với một số tỉnh, thành phố về cơ chế, chính sách phát triển chính quyền số. Chủ động hợp tác với các Tập đoàn viễn thông và CNTT để triển khai hạ tầng kỹ thuật, ứng dụng và phát triển công nghệ hiện đại.

4. Thu hút nguồn lực CNTT

- Ưu tiên sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác nhằm đa dạng hóa nguồn lực để phát triển Chính quyền số; tăng cường thực hiện giải pháp thuê dịch vụ công nghệ thông tin.

- Ưu tiên bố trí đầu tư công để thực hiện các dự án phát triển hạ tầng, trung tâm dữ liệu, cơ sở dữ liệu, nền tảng, các ứng dụng, dịch vụ của tỉnh.

- Đẩy mạnh xúc tiến đầu tư, thu hút đầu tư từ các doanh nghiệp để phát triển cơ sở hạ tầng CNTT và truyền thông.

- Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư cho ứng dụng CNTT để nâng cao năng lực cạnh tranh, đổi mới phương thức quản lý, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm.

5. Tăng cường hợp tác quốc tế

Chủ động hợp tác quốc tế về chuyển đổi số, tổ chức hội thảo, xây dựng chương trình hợp tác, huy động nguồn lực, đào tạo cán bộ, chuyên gia trong lĩnh vực chuyển đổi số, học tập kinh nghiệm, chuyển giao công nghệ số, nhất là với các đối tác chiến lược có trình độ khoa học công nghệ tiên tiến và có chương trình ký kết, thỏa thuận hợp tác với tỉnh; nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ, thúc đẩy khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành; các nguồn kinh phí lồng ghép từ các chương trình, đề án, dự án liên quan; nguồn huy động từ các nguồn tài trợ, viện trợ, xã hội, cộng đồng và các nguồn hợp pháp khác theo quy định.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Thông tin và Truyền thông

- Là cơ quan đầu mối chủ trì, hướng dẫn, đôn đốc, phối hợp với các Sở, Ban, ngành và địa phương tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch; định kỳ trước ngày 30 của tháng cuối quý báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện về chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, địa phương có liên quan xây dựng các cơ chế, chính sách liên quan đến việc thực hiện Kế hoạch, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan thông tấn, báo chí trên địa bàn tỉnh xây dựng kế hoạch, triển khai công tác thông tin, tuyên truyền rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng để các cấp, các ngành, đông đảo người dân và doanh nghiệp hiểu và tham gia vào Kế hoạch.

- Chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra tình hình xây dựng, phát triển, vận hành các CSDL chuyên ngành, kết nối, chia sẻ dữ liệu tại các cơ quan đơn vị trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp với Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo triển khai ứng dụng chữ ký số, tích hợp chữ ký số công cộng/chuyên dùng trong các ứng dụng chuyên ngành Y tế, Giáo dục.

2. Sở Nội vụ

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn các Sở, Ban, ngành, địa phương thực hiện cải cách hành chính.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung Bộ chỉ số cải cách hành chính theo hướng gắn kết chặt chẽ phát triển Chính quyền số với hoạt động cải cách hành chính, Chính quyền số trở thành công cụ đặc lực thúc đẩy cải cách hành chính nhà nước.

- Hằng năm, chủ trì phối hợp với các sở, ngành, địa phương tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nhận thức về chuyển đổi số cho cán bộ lãnh đạo, cán

bộ, công chức, viên chức của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí vốn đầu tư cho các chương trình, dự án công nghệ thông tin để thực hiện Kế hoạch; tiến hành tổng hợp, rà soát, điều chỉnh, bổ sung và lồng ghép nội dung các chương trình, dự án được phép thực hiện.

4. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí vốn đầu tư cho các chương trình, dự án công nghệ thông tin để thực hiện Kế hoạch; tiến hành tổng hợp, rà soát, điều chỉnh, bổ sung và lồng ghép nội dung các chương trình, dự án được phép thực hiện.

5. Các Sở, Ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

- Căn cứ Kế hoạch này xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện của cơ quan, đơn vị mình. Chủ động tổ chức thực hiện có hiệu quả, đảm bảo thực hiện tốt các mục tiêu đã đặt ra, không trùng lặp với nhiệm vụ của tỉnh.

- Chủ động nâng cao tinh thần trách nhiệm, quyết liệt trong lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, điều hành của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc tổ chức, thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ thực hiện chuyển đổi số tại ngành mình, cấp mình; coi đây là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt của cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Phối hợp chặt chẽ với Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan liên quan trong quá trình tổ chức thực hiện các chương trình, dự án đảm bảo tiết kiệm, chất lượng, hiệu quả, đúng quy định.

- Báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch này về Sở Thông tin và Truyền thông định kỳ hàng quý (trước ngày 10 của tháng cuối quý) để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh và HĐND tỉnh theo quy định.

Trong quá trình thực hiện Kế hoạch này, nếu có vướng mắc, phát sinh, các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh./.

Nơi nhận:

- Bộ TT&TT (để báo cáo);
- TTTU, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Đài QRT, Báo Quảng Nam;
- CPVP;
- Lưu: VT, KGVX (H).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Trí Thanh

Phụ lục I

Các văn bản của tỉnh về chuyển đổi số ban hành năm 2023

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /01/2024 của UBND tỉnh Quảng Nam)

1. Quyết định số 531/QĐ-UBND ngày 17/3/2023 của UBND tỉnh Ban hành mô hình mạng nội bộ, kết nối mạng diện rộng của cơ quan Nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Nam;
2. Quyết định số 1059/QĐ-UBND ngày 25/5/2023 của UBND tỉnh về Phê duyệt Danh mục dịch vụ công trực tuyến đủ điều kiện thực hiện toàn trình và Danh mục dịch vụ công trực tuyến đủ điều kiện thực hiện một phần trên địa bàn tỉnh Quảng Nam;
3. Quyết định số 1587/QĐ-UBND ngày 31/7/2023 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 17/9/2020 của HĐND tỉnh về Đề án Phát triển ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng chính quyền số tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021-2025 và Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 của HĐND tỉnh về sửa đổi Điều 2 Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 17/9/2020 của HĐND tỉnh;
4. Quyết định số 1623/QĐ-UBND ngày 03/8/2023 của UBND tỉnh về Phê duyệt danh mục nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số năm 2023;
5. Quyết định số 1206/QĐ-UBND ngày 13/6/2023 của UBND tỉnh Phê duyệt kết quả đánh giá, xếp hạng mức độ chuyển đổi số của các cơ quan nhà nước tỉnh Quảng Nam năm 2022;
6. Quyết định số 2316/QĐ-UBND ngày 30/10/2023 của UBND tỉnh về Ban hành Danh mục dữ liệu mở tỉnh Quảng Nam;
7. Kế hoạch số 8793/KH-UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh về Chuyển đổi số tỉnh Quảng Nam năm 2023;
8. Kế hoạch số 739/KH-UBND ngày 14/02/2023 của UBND tỉnh về truyền thông nâng cao nhận thức về chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Quảng Nam năm 2023;
9. Kế hoạch số 1879/KH-UBND ngày 31/3/2023 của UBND tỉnh về thực hiện Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, giai đoạn 2021-2025;
10. Kế hoạch số 2309/KH-UBND ngày 18/4/2023 của UBND tỉnh về thực hiện Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh trên địa bàn tỉnh Quảng Nam năm 2023.
11. Kế hoạch số 4438/KH-UBND ngày 06/7/2023 của UBND tỉnh Triển khai thực hiện Chiến lược An toàn, An ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn 2030;
12. Kế hoạch số 4872/KH-UBND ngày 25/7/2023 của UBND tỉnh nâng cao chất lượng và hiệu quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến của tỉnh Quảng Nam năm 2023;

13. Kế hoạch số 7384/KH-UBND ngày 30/10/2023 của UBND tỉnh về Thực hiện các mô hình triển khai, nhiệm vụ tại Đề án Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Nam;

14. Kế hoạch số 7501/KH-UBND ngày 03/11/2023 của UBND tỉnh về Cải thiện và nâng cao chỉ số chuyển đổi số (DTI) tỉnh Quảng Nam năm 2023.

Phụ lục II

Kết nối với các hệ thống thông tin, CSDL của các Bộ ngành, Trung ương

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /01/2024 của UBND tỉnh Quảng Nam)

Đvt: lần

STT	Dịch vụ	Tổng	Thành công	Thất bại
I	Dịch vụ dùng chung cấp tỉnh	262.401.852	262.082.008	319.844
1	Trực liên thông văn bản - Dịch vụ liên thông văn bản - phục vụ công chức, viên chức, cơ quan nhà nước	262.350.331	262.030.498	319.833
2	LGSP - Dịch vụ chia sẻ dữ liệu tỉnh Quảng Nam - phục vụ cơ quan nhà nước	50.935	50.935	0
3	LGSP - Dịch vụ chia sẻ Dữ liệu cảnh báo lũ Quảng Nam - phục vụ cơ quan nhà nước	566	555	11
4	LGSP - Dịch vụ chia sẻ dữ liệu SmartApp tỉnh Quảng Nam	18	18	0
5	LGSP - SmartApp - Dịch vụ thoát nước	2	2	0
II	Dịch vụ Khai thác CSDL/HTTT Quốc gia	2.201.606	2.137.053	64.553
1	Hệ thống chia sẻ thông tin nguồn trung ương	1.692.247	1.639.587	52.660
2	NGSP- Dịch vụ chia sẻ dữ liệu về công chức viên chức - phục vụ công chức viên chức	352.242	341.713	10.529
3	NGSP - Dịch vụ bưu chính công ích - phục vụ công dân, doanh nghiệp, công chức, cơ quan nhà nước	111.443	111.002	441
4	NGSP - Dịch vụ hộ tịch tư pháp - phục vụ công dân	20.674	20.567	107
5	Dịch vụ cấp phiếu lý lịch tư pháp	8.820	8.350	470
6	NGSP - Dịch vụ cấp mã số đơn vị có quan hệ ngân sách - phục vụ doanh nghiệp	5.054	5.049	5
7	NGSP - Dịch vụ lý lịch tư pháp - phục vụ công dân	5.318	5.013	305
8	NGSP - Dịch vụ chia sẻ dữ liệu Hệ thống quản lý vận tải - phục vụ công dân, doanh nghiệp	1.843	1.838	5

STT	Dịch vụ	Tổng	Thành công	Thất bại
9	NGSP - Dịch vụ cơ sở dữ liệu đăng ký doanh nghiệp - phục vụ doanh nghiệp	1.432	1.411	21
10	NGSP - Trả thông tin địa chỉ từ mã Vpostcode phục vụ phòng chống covid - phục vụ công dân	954	954	0
11	NGSP - Dịch vụ chia sẻ dữ liệu BHXH hộ gia đình - phục vụ công dân, doanh nghiệp	894	892	2
12	NGSP - Dịch vụ quản lý văn bản quy phạm pháp luật - phục vụ cơ quan nước, công chức, công dân, doanh nghiệp	598	597	1
13	Dịch vụ chia sẻ dữ liệu của BHXH	36	36	0
14	NSGP - Dịch vụ danh mục dùng chung - phục vụ công dân, doanh nghiệp, công chức, cơ quan nhà nước	27	23	4
15	NGSP - Dịch vụ khai thác đồng bộ dữ liệu về giá - phục vụ doanh nghiệp	19	16	3
16	NGSP - Dịch vụ đồng bộ hồ sơ, trạng thái xử lý TTHC thông báo nhà ở hình thành trong tương lai đủ điều kiện bán, cho thuê mua - phục vụ công dân, doanh nghiệp	4	4	0
17	NGSP - Dịch vụ cơ sở dữ liệu dân cư - phục vụ công dân	1	1	0
III	Cơ sở dữ liệu chuyên ngành	817.625	814.703	2.922
1	LGSP - Dịch vụ chia sẻ dữ liệu cán bộ công chức tỉnh Quảng Nam 2.0	366.145	365.618	527
2	LGSP - Dịch vụ khai thác kho dữ liệu - phục vụ cơ quan nhà nước	334.532	333.732	800
3	Bộ TNMT - Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tập trung trên toàn quốc - phục vụ công dân, doanh nghiệp	84.867	84.039	828
4	LGSP - Dịch vụ chia sẻ dữ liệu Egov App	31.190	30.425	765
5	LGSP - Dịch vụ chia sẻ dữ liệu hộ nghèo tỉnh Quảng Nam - phục vụ công dân	401	399	2

STT	Dịch vụ	Tổng	Thành công	Thất bại
6	Sở Công Thương - Dịch vụ chia sẻ dữ liệu Sở Công Thương - phục vụ doanh nghiệp, cơ quan nhà nước	243	243	0
7	Dịch vụ thống kê giao dịch LGSP cho Egov	238	238	0
8	EgovQuangNam	9	9	0
IV	Hệ thống	449.995	448.239	1.756
1	LGSP - Chia sẻ dữ liệu giám sát - phục vụ hệ thống	305.230	303.855	1.375
2	Dịch vụ phân quyền tập trung	144.739	144.358	381
3	Dịch vụ tra cứu thông tin tự động	26	26	0
V	Dịch vụ dùng chung cấp Huyện	132.504	129.349	3.155
1	LGSP - Dịch vụ chia sẻ các số liệu về kết quả giải quyết TTHC - phục vụ cơ quan nhà nước	132.504	129.349	3.155
VI	Dịch vụ công	40.692	37.742	2.950
1	DVC - Dịch vụ công Quảng Nam - phục vụ công dân, doanh nghiệp	40.692	37.742	2.950
VII	Dịch vụ ký số tập trung tỉnh Quảng Nam	10.329	10.055	274
1	LGSP - Ký số tập trung - v2.0	9.135	8.877	258
2	LGSP - Ký số tập trung - v2.1	1.188	1.172	16
3	LGSP - Ký số tập trung - phục vụ công chức, viên chức, cơ quan nhà nước	6	6	0
	TỔNG	266.054.603	265.659.149	395.454

Phụ lục III

DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ TRIỂN KHAI CHƯƠNG TRÌNH CHUYỂN ĐỔI SỐ TỈNH QUẢNG NAM NĂM 2024

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /01/2024 của UBND tỉnh Quảng Nam)

TT	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì triển khai	Đơn vị phối hợp	Kết quả công việc	Thời gian thực hiện
I	Chuyển đổi nhận thức, nâng cao trách nhiệm triển khai				
1	Thực hiện công tác tuyên truyền chuyển đổi số trên Cổng Thông tin điện tử cấp tỉnh, cấp huyện, các cơ quan đơn vị; Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Báo Quảng Nam, hệ thống truyền thanh cơ sở, mạng xã hội....	Sở TTTT, UBND cấp huyện; Các cơ quan truyền thông, báo chí		Nâng cao nhận thức của người dân toàn xã hội về vai trò, ý nghĩa và lợi ích của chuyển đổi số; Thúc đẩy sự tham gia vào cuộc của cả hệ thống chính trị, hành động đồng bộ ở các cấp và sự tham gia của toàn dân bảo đảm sự thành công của chuyển đổi số.	Cả năm
2	Tổ chức sự kiện “Ngày chuyển đổi số” năm 2024.	Sở TT&TT; Các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố			Quý IV
3	Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, tập huấn nâng cao nhận thức cho người dân, doanh nghiệp và toàn xã hội về chuyển đổi số. Tổ chức phổ cập kỹ năng số cho người dân, hướng dẫn người dân sử dụng các dịch vụ số của cơ quan nhà nước và kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân trên không gian mạng,	Các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố			Cả năm

TT	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì triển khai	Đơn vị phối hợp	Kết quả công việc	Thời gian thực hiện
II	Nhóm nhiệm vụ, giải pháp tạo nền móng cho chuyển đổi số				
1	Cơ chế, chính sách				
1.1	Xây dựng, duy trì Kiến trúc Chính quyền điện tử, Chính quyền số tỉnh Quảng Nam, phiên bản 3.0	Sở TT&TT	Các Sở, Ban, ngành, UNND các huyện, thị xã, thành phố	Xây dựng, cập nhật Kiến trúc Chính quyền điện tử, Chính quyền số tỉnh Hòa Bình phù hợp với Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử, Chính phủ số Việt Nam do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành	Quý IV/2024
1.2	Quy chế quản lý, vận hành và khai thác Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh	Sở TT&TT	Các Sở, Ban, ngành, UNND các huyện, thị xã, thành phố	Quyết định của UBND tỉnh	Quý IV/2024
1.3	Quy chế quản lý, vận hành hệ thống lưu trữ điện tử dùng chung của tỉnh	Sở TT&TT	Các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Quyết định của UBND tỉnh	Quý IV/2024
1.4	Quy chế quản lý, vận hành, khai thác hệ thống “Ứng dụng Chính phủ điện tử giúp điều hành, quản lý và kết nối với người dân, doanh nghiệp”	Sở TT&TT	Các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Quyết định của UBND tỉnh	Quý III/2024
1.5	Quy chế quản lý, vận hành hệ thống mạng WAN của tỉnh	Sở TT&TT	Các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, UBND các xã, phường, thị trấn.	Quyết định của UBND tỉnh	Quý III/2024

TT	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì triển khai	Đơn vị phối hợp	Kết quả công việc	Thời gian thực hiện
1.6	Quy chế quản lý, vận hành hệ thống thông tin nguồn của tỉnh	Sở TT&TT	Các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Quyết định của UBND tỉnh	Quý II/2024
1.7	Quy chế quản lý và sử dụng chữ ký số, chứng thư số chuyên dùng Chính phủ trong các cơ quan nhà nước tỉnh Quảng Nam	Sở TT&TT	Các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Quyết định của UBND tỉnh (thay thế Quyết định số Số 1914/QĐ-UBND ngày 20/7/2022 của UBND tỉnh)	Quý III/2024
1.8	Quy chế gửi, nhận văn bản điện tử của các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Nam	Sở TT&TT	Các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Quyết định của UBND tỉnh (Thay thế Quyết định 2675/QĐ-UBND ngày 04/9/2018 của UBND tỉnh)	Quý III/2024
1.9	Quy chế hoạt động Cổng thông tin điện tử tỉnh Quảng Nam	Sở TT&TT	Các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Quyết định của UBND tỉnh (Thay thế Quyết định số 3069/QĐ-UBND ngày 25/10/2021 của UBND tỉnh)	Quý III/2024
1.10	Quy chế quản lý, vận hành, khai thác nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu tỉnh Quảng Nam	Sở TT&TT	Các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Quyết định của UBND tỉnh (Thay thế Quyết định số 1619/QĐ-UBND ngày 15/6/2021 của UBND tỉnh)	Quý IV/2024
1.11	Quy chế quản lý, vận hành và sử dụng hệ thống thư điện tử công vụ tỉnh Quảng Nam	Sở TT&TT	Các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Quyết định của UBND tỉnh (Thay thế Quyết định số 1217/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh)	Quý III/2024
1.12	Kế hoạch về nâng cao chất lượng và hiệu quả cung cấp dịch vụ công trực	Sở TT&TT	Các Sở, Ban, ngành, UBND	Kế hoạch UBND tỉnh	Quý I/2024

TT	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì triển khai	Đơn vị phối hợp	Kết quả công việc	Thời gian thực hiện
	tuyển của tỉnh Quảng Nam năm 2024		các huyện, thị xã, thành phố		
1.13	Chính sách tỷ lệ chi tối thiểu và hướng dẫn định mức chi cho ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số	Sở Tài chính	Sở TT&TT	Nghị quyết của HĐND tỉnh hoặc Quyết định của UBND tỉnh	Quý III/2024
1.14	Kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (trong đó có nội dung Chuyển đổi số)	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Kế hoạch của UBND tỉnh	Quý I/2024
1.15	Chính sách thuê chuyên gia chuyển đổi số	Sở TT&TT	Sở Tài chính	Quyết định của UBND tỉnh hoặc Nghị quyết của HĐND tỉnh	Quý IV/2024
1.16	Nghị quyết Quy định mức hỗ trợ kinh phí cho hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.	Sở TT&TT	Sở Tài chính	Nghị quyết của HĐND tỉnh	Quý IV/2024
1.17	Báo cáo tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 12/4/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Chuyển đổi số tỉnh Quảng Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030	Sở TT&TT	Các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Báo cáo của UBND tỉnh	Quý I/2024

TT	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì triển khai	Đơn vị phối hợp	Kết quả công việc	Thời gian thực hiện
1.18	Kế hoạch hoạt động tổ công nghệ cộng đồng năm 2024	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở TT&TT	Kế hoạch hoạt động tổ công nghệ cộng đồng	Quý I/2024
2	Phát triển hạ tầng kỹ thuật số				
2.1	Nâng cấp hạ tầng Trung tâm dữ liệu tỉnh, đảm bảo năng lực triển khai Chính quyền số và đô thị thông minh.	Sở TT&TT	Các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố		Cả năm
2.2	Nâng cấp, mở rộng hệ thống mạng WAN của tỉnh kết nối đến cấp xã	Sở TT&TT	Các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, UBND các xã, phường, thị trấn		Cả năm
2.3	Nâng cấp hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị công nghệ thông tin tại các đơn vị, địa phương	Các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở TT&TT		Cả năm
2.4	Phát triển hạ tầng viễn thông (trạm BTS, cáp quang) đến các khu vực lõm sóng, vùng sâu, vùng xa của tỉnh	Các doanh nghiệp viễn thông, internet	Sở TT&TT	Triển khai phủ sóng di động tốc độ cao tới 100% thôn, bản vùng sâu, vùng xa, vùng nông thôn, vùng lõm sóng trên địa bàn tỉnh	Cả năm
2.5	Nâng cấp mạng LAN tại các đơn vị, địa	Các Sở, Ban, ngành, UBND	Sở TT&TT	Cải tạo hệ thống mạng LAN, bổ sung thiết bị dự phòng, phân vùng mạng, quy	Cả năm

TT	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì triển khai	Đơn vị phối hợp	Kết quả công việc	Thời gian thực hiện
	phương	các huyện, thị xã, thành phố		hoạch theo đúng chuẩn quy định của Quyết định số 531/QĐ-UBND ngày 17/3/2023 của UBND tỉnh	
2.6	Lắp đặt Wifi tại các nhà văn hóa thôn, khối phố	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở TT&TT	Tất cả nhà văn hóa thôn, khối phố trên địa bàn tỉnh đều có wifi	Cả năm
2.7	Phát triển, mở rộng mạng kết nối internet công cộng tại các đô thị và khu kinh tế trọng điểm được lựa chọn phát triển theo hướng đô thị thông minh	UBND các huyện, thị xã, thành phố; các doanh nghiệp viễn thông, internet	Sở TT&TT	Cung cấp dịch vụ internet công cộng phục vụ phát triển xã hội số - kinh tế số của tỉnh	Cả năm
2.8	Thí điểm triển khai mạng 5G tại khu đô thị thúc đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số.	Các doanh nghiệp viễn thông, internet	Sở TT&TT	Triển khai mạng di động tốc độ cao, phù hợp với xu thế phát triển của thế giới và Việt nam	Cả năm
2.9	Triển khai mỗi hộ gia đình có khả năng tiếp cận một đường Internet cáp quang băng rộng.	Sở TT&TT	Các doanh nghiệp viễn thông	Có kế hoạch phát triển mạng viễn thông hiệu quả và bảo đảm tạo điều kiện thuận lợi phát triển mạng viễn thông tại các khu vực khó khăn	Cả năm
2.10	Nâng cấp hệ thống mạng, máy chủ tại Văn phòng UBND tỉnh	VP UBND tỉnh	Sở TT&TT Sở Tài chính Sở Kế hoạch và Đầu tư	Nâng cấp hệ thống mạng Lan, máy chủ tại Văn phòng UBND tỉnh Quảng Nam: như đầu tư hệ thống wifi, hệ thống server...	Cả năm
3	Phát triển nền tảng số				
3.1	Xây dựng Kho cơ sở dữ liệu dùng chung	Sở TT&TT	Các Sở, Ban,	Kho cơ sở dữ liệu dùng chung tỉnh Quảng	Cả năm

TT	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì triển khai	Đơn vị phối hợp	Kết quả công việc	Thời gian thực hiện
	tỉnh Quảng Nam		ngành, UNND các huyện, thị xã, thành phố	Nam	
3.2	Xây dựng các bộ CSDL mở, Cổng dịch vụ dữ liệu mở của tỉnh.	Sở TT&TT	Các Sở, Ban, ngành, UNND các huyện, thị xã, thành phố	Các bộ CSDL mở, Cổng dịch vụ dữ liệu mở của tỉnh	Cả năm
4	Bảo đảm an toàn, an ninh mạng				
4.1	Thuê dịch vụ giám sát an toàn thông tin cho hệ thống Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh và các ứng dụng Chính quyền điện tử	Sở TT&TT		Triển khai an toàn thông tin 4 lớp theo Chỉ thị 14/CT-TTg ngày 07/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường đảm bảo an toàn, an ninh mạng nhằm cải thiện chỉ số xếp hạng của Việt Nam	Cả năm
4.2	Đánh giá an toàn thông tin cho các ứng dụng dùng chung của tỉnh: Q-Office, một cửa dịch vụ công, email công vụ	Sở TT&TT		Kiểm thử dò quét các lỗ bảo mật của các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh, kịp thời phát hiện, có biện pháp khắc phục các lỗ hổng bảo mật nhằm tăng cường đảm bảo an toàn, an ninh mạng đối với hệ thống Chính quyền điện tử của tỉnh	Cả năm
4.3	Triển khai phần mềm phòng chống virus, mã độc tập trung	Sở TT&TT		Phân tích, xử lý và ngăn chặn mã độc Trang bị phần mềm phòng chống virus, mã độc tập trung	Cả năm
4.4	Tổ chức diễn tập thực chiến bảo đảm an toàn thông tin mạng trong năm 2024	Sở TT&TT	Các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thị xã,	Diễn tập thực chiến bảo đảm an toàn thông tin mạng	Quý III/2024

TT	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì triển khai	Đơn vị phối hợp	Kết quả công việc	Thời gian thực hiện
			thành phố		
4.5	Trang bị các phần mềm diệt virus máy tính bản quyền	Các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố		Mua sắm phần mềm	Cả năm
5	Phát triển nguồn nhân lực số				
5.1	Tổ chức đào tạo, tập huấn về chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, viên chức các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	Sở Nội vụ Các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố		Nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức trong triển khai nhiệm vụ của các cấp, các ngành tiếp cận những nội dung, kiến thức mới về chuyển đổi số của tỉnh.	Cả năm
5.2	Tập huấn chuyên sâu về chuyển đổi số cho cán bộ chuyên trách CNTT	Sở TT&TT	Các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Tập huấn theo nội dung chương trình của Bộ Thông tin và Truyền thông	Theo Kế hoạch của Bộ TTTT
5.3	Đào tạo, tập huấn cho Tổ công nghệ cộng đồng	Sở TT&TT UBND các huyện, thị xã, thành phố,	Sở TT&TT	Tổ công nghệ số cộng đồng hướng dẫn chủ trương, chính sách, pháp luật về chuyển đổi số các kỹ năng số cơ bản, thiết yếu gồm: Sử dụng dịch vụ công trực tuyến; mua sắm trực tuyến; thanh toán trực tuyến; tự bảo vệ mình trên không gian mạng	Cả năm
III	Nhóm nhiệm vụ, giải pháp phát triển Chính quyền số				
1	Số hoá hồ sơ, kết quả giải quyết hành chính còn hiệu lực thuộc thẩm quyền	Các Sở, Ban, ngành, UBND	Sở Nội Vụ, Sở Tài chính	- Triển khai nhiệm vụ về số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính còn hiệu lực	2024-2025

TT	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì triển khai	Đơn vị phối hợp	Kết quả công việc	Thời gian thực hiện
	giải quyết của Các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	các huyện, thành phố		thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, giai đoạn 2021-2025 theo Kế hoạch số 8079/KH-UBND ngày 12/11/2021.	
2	Thuê dịch vụ Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh	Sở TT&TT	Các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố,	- Hệ thống mới phải đáp ứng việc tái cấu trúc quy trình giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến đủ điều kiện trên Cổng Dịch vụ công quốc gia và kịp thời đáp ứng các thủ tục hành chính phải thực hiện trong năm 2022 theo Quyết định số 422/QĐ-TTg và Quyết định số 06/QĐ-TTg. - Hệ thống mới đáp ứng số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính; đáp ứng thực hiện thanh toán trực tuyến. - Hệ thống mới đáp ứng liên thông, kết nối với các hệ thống thông tin giải quyết TTHC của quốc gia, bộ ngành Trung ương. - Hệ thống mới triển khai trên địa bàn toàn tỉnh từ tỉnh đến địa phương	2024-2026
3	Nâng cấp Cổng thông tin điện tử	Sở TT&TT	Các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố,	Nâng cấp Cổng TTĐT tỉnh và các cổng thành phần đáp ứng các chỉ tiêu nêu tại công văn số 4946/BTTTT-CĐSQG ngày 04/10/2022 của Bộ TTTT hướng dẫn triển khai Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực	2024

TT	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì triển khai	Đơn vị phối hợp	Kết quả công việc	Thời gian thực hiện
				tuyên của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng. -Hệ thống nâng cấp được triển khai cho Công TTĐT tỉnh, 40 công thông tin điện tử thành phần của 22 Sở, ban, ngành, 18 huyện, thị xã, thành phố và hệ thống lõi để triển khai đến 241 xã trên địa bàn tỉnh.	
4	Nâng cấp và mở rộng email công vụ cho khối Đảng, hội, đoàn thể	Sở TT&TT		Mở rộng, cung cấp hệ thống thư điện tử cho khối Đảng, đoàn thể và đối tượng sử dụng khác ngoài phạm vi của giai đoạn 2019 với dự kiến tổng số tài khoản (cả đã có và phát sinh mới) có thể lên đến 50.000 - 60.000 cho toàn bộ tỉnh; - Tích hợp ký số, mã hóa của Ban cơ yếu nhằm giúp bảo mật các thư của khối Đảng, Đoàn thể	2024
5	Xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước lĩnh vực thông tin và truyền thông	Sở TT&TT	Các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng quy trình tin học hóa hồ sơ thẩm định dự án, theo dõi quá trình triển khai dự án, kết quả chuyển giao, vận hành các dự án Công nghệ thông tin trên địa bàn. Quản lý, theo dõi tình hình sử dụng các phần mềm, CSDL chuyên ngành tại các đơn vị. - Xây dựng chức năng quản lý các doanh nghiệp bưu chính, doanh nghiệp viễn thông và báo cáo của các doanh nghiệp. - Xây dựng các chức năng lưu trữ thông tin dữ liệu, quản lý nhà nước, cấp phép 	2024

TT	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì triển khai	Đơn vị phối hợp	Kết quả công việc	Thời gian thực hiện
				tài liệu không kinh doanh lĩnh vực Thông tin – Báo chí – Xuất bản. - Xây dựng và quản lý thông tin phóng viên thường trú, văn phòng đại diện các cơ quan báo chí trên địa bàn tỉnh. - Quản lý kế hoạch thanh kiểm tra, quản lý các đợt thanh kiểm tra, kết quả đợt thanh kiểm tra	
6	Xây dựng hệ thống phần mềm đánh giá chỉ số chuyển đổi số DTI	Sở TT&TT	Các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố,	Hệ thống phần mềm để chấm chỉ số DTI	2024
7	Hệ thống CSDL quản lý quy hoạch và cấp phép xây dựng	Sở Xây dựng	Sở TT&TT Sở Tài chính Sở Tài nguyên và Môi trường	Hệ thống CSDL quản lý quy hoạch và cấp phép xây dựng	2024-2025
8	Xây dựng Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quản lý ngành tài nguyên và môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở TT&TT Sở Tài chính	- Hệ thống thông tin đất đai (LIS) - Xây dựng Cơ sở dữ liệu nền thông tin địa lý (GIS), Công thông tin địa lý chia sẻ dữ liệu dùng chung tỉnh Quảng Nam	2024-2025
9	Xây dựng CSDL và phần mềm quản lý nhà nước Ngành VH,TT&DL tỉnh Quảng Nam	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở TT&TT Sở Tài chính	Xây dựng CSDL và phần mềm quản lý nhà nước Ngành VH,TT&DL tỉnh Quảng Nam	2024-2025
10	CSDL chuyên ngành Y tế	Sở Y tế	Sở TT&TT Sở Tài chính	Hồ sơ sức khỏe điện tử; Hệ thống thông tin quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm ;	2024-2025

TT	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì triển khai	Đơn vị phối hợp	Kết quả công việc	Thời gian thực hiện
				Hệ thống điều hành y tế thông minh (IOC Y tế) ; Hệ thống khám chữa bệnh từ xa; Hệ thống thông tin quản lý trạm y tế xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2023 - 2025	
11	Xây dựng CSDL chuyên ngành Lao động, Thương binh và Xã hội	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Sở TT&TT Sở Tài chính	Phần mềm phục vụ quản lý nhà nước các lĩnh vực Lao động, Thương binh và Xã hội	2024-2025
12	Xây dựng CSDL Hệ thống thông tin chuyên ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở TT&TT Sở Tài chính	CSDL chăn nuôi, thú y; trồng trọt và bảo vệ thực vật; Thủy sản và Quản lý tàu cá; Quản lý chất lượng nông lâm thủy sản, ...	2024-2025
13	Xây dựng Hệ thống thống kê báo cáo số liệu tổng hợp của tỉnh. Xây dựng trung tâm giám sát, điều hành đô thị thông minh (IOC)	Văn phòng UBND tỉnh	Sở TT&TT Sở Tài chính	Hệ thống thống kê báo cáo số liệu tổng hợp của tỉnh. Xây dựng trung tâm giám sát, điều hành đô thị thông minh (IOC)	2024-2025
14	Xây dựng hệ thống thông tin hỗ trợ quản lý, điều hành tác nghiệp tại Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	Sở TT&TT Sở Tài chính	Phần mềm hỗ trợ quản lý nội dung kỳ họp HĐND; Hệ thống quản lý, theo dõi ý kiến, kiến nghị của HĐND tỉnh	2024
15	Xây dựng CSDL chuyên ngành Giáo dục và Đào tạo	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở TT&TT Sở Tài chính	Triển khai Hệ thống quản lý văn bằng chứng chỉ; Hệ thống kiểm định chất lượng giáo dục;...	2024-2025
16	Xây dựng CSDL chuyên ngành Tư pháp	Sở Tư pháp	Sở TT&TT Sở Tài chính	Phần mềm quản lý hệ thống cơ sở dữ liệu chứng thực tỉnh Quảng Nam Số hóa toàn bộ dữ liệu hộ tịch trên địa	2024-2025

TT	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì triển khai	Đơn vị phối hợp	Kết quả công việc	Thời gian thực hiện
				bàn tỉnh (Sở Tư pháp và 18 huyện, thị xã, thành phố) vào cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử toàn quốc của Bộ tư pháp Triển khai các CSDL quản lý chuyên ngành khác, ...	
17	Xây dựng CSDL về thanh tra và Quản lý kê khai tài sản	Thanh tra tỉnh	Sở TT&TT Sở Tài chính	Xây dựng CSDL về kế hoạch thanh tra và Quản lý kê khai tài sản	2024
18	Nâng cấp, mở rộng phần mềm chấm điểm chỉ số cải cách hành chính tỉnh Quảng Nam	Sở Nội vụ	Sở TT&TT Sở Tài chính	Nâng cấp, mở rộng phần mềm chấm điểm chỉ số cải cách hành chính tỉnh Mở rộng Hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin đánh giá cải cách hành chính, đo lường sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước. Nâng cấp, mở rộng phần mềm chấm điểm Chỉ số cải cách hành chính đến các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Quảng Nam	2024
19	Xây dựng Hệ thống phần mềm đánh giá cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Quảng Nam	Sở Nội vụ	Sở TT&TT Sở Tài chính	Xây dựng Hệ thống phần mềm đánh giá cán bộ, công chức, viên chức	2024
20	Nâng cấp, mở rộng phần mềm quản lý CSDL cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Quảng Nam	Sở Nội vụ	Sở TT&TT Sở Tài chính	Nâng cấp hệ thống thông tin quản lý cán bộ, công chức, viên chức thuộc tỉnh Quảng Nam theo mô hình phân cấp quản lý theo khối chính quyền, khối Đảng, Mặt trận và các đoàn thể chính trị-xã hội.	2024

TT	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì triển khai	Đơn vị phối hợp	Kết quả công việc	Thời gian thực hiện
				<ul style="list-style-type: none"> - Quản lý thông tin tổ chức bộ máy, biên chế, hội. - Cung cấp công cụ thống kê trực quan, sinh động phục vụ công tác thống kê, chỉ đạo, điều hành 	
21	Kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ thông tin hạng mục: “Hệ thống quản lý tài liệu lưu trữ điện tử tại lưu trữ lịch sử tỉnh”	Sở Nội vụ	Sở TT&TT Sở Tài chính	Sở Nội vụ và các cơ quan, đơn vị thuộc nguồn nộp lưu vào lưu trữ lịch sử	2024-2026
22	Xây dựng Hệ thống thông tin và CSDL phục vụ quản lý nhà nước chuyên ngành KH&CN	Sở KH&CN	Sở TT&TT Sở Tài chính	CSDL chuyên gia tư vấn khoa học và công nghệ Quảng Nam; CSDL phương tiện đo nhóm 2 trên địa bàn tỉnh; Ứng công nghệ thông tin phục vụ đăng ký và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá tỉnh Quảng Nam,...	2024
23	Xây dựng Phần mềm và CSDL phục vụ công tác quản lý nhà nước trên các lĩnh vực: Đầu tư, môi trường, đất đai, quy hoạch, hạ tầng, xây dựng, lao động, việc làm, thương mại; quản lý doanh nghiệp và phục vụ công tác xúc tiến đầu tư tại các Khu kinh tế, Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh	Ban Quản lý các Khu kinh tế và Khu công nghiệp tỉnh QN	Sở TT&TT Sở Tài chính Sở Tài Nguyên và Môi trường	Xây dựng phần mềm phục vụ công tác quản lý nhà nước trên các lĩnh vực: đầu tư, môi trường, đất đai, quy hoạch, hạ tầng, xây dựng, lao động, việc làm, thương mại; quản lý doanh nghiệp và phục vụ công tác xúc tiến đầu tư tại các Khu kinh tế, Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Nam; Số hóa dữ liệu trên nền GIS đối với các bản đồ hiện trạng cơ sở hạ tầng, quy hoạch	2024-2027
24	Nâng cấp trang thông tin điện tử Đại biểu nhân dân tỉnh Quảng Nam	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	Sở TT&TT Sở Tài chính	Nâng cấp trang thông tin điện tử Đại biểu nhân dân tỉnh Quảng Nam đảm bảo theo quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-	2024

TT	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì triển khai	Đơn vị phối hợp	Kết quả công việc	Thời gian thực hiện
				CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ; sử dụng các Công nghệ mới, độ bảo mật cao; Giao diện trang thông tin điện tử sẽ được thiết kế theo phong cách của cơ quan nhà nước, giao diện thể hiện được sự nổi trội về các hoạt động của Đoàn ĐBQH, Thường trực HĐND tỉnh, các Ban HĐND tỉnh, Tổ đại biểu, các đại biểu HĐND tỉnh, Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh và các hoạt động của HĐND cấp huyện, xã...	
IV	Nhóm nhiệm vụ, giải pháp phát triển Kinh tế số				
1	Duy trì Sàn thương mại điện tử tỉnh	Sở Công Thương			Cả năm
2	Triển khai các chương trình, kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ số	Sở TT&TT	Sở Kế hoạch và Đầu tư		Cả năm
3	Tuyên truyền, hướng dẫn các hộ nông dân, hợp tác xã tham gia sàn thương mại điện tử giới thiệu quảng bá nông sản.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương, UBND các huyện, thị xã, thành phố			Cả năm
4	Đo lường kinh tế số	Cục Thống kê	Sở TT&TT		

TT	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì triển khai	Đơn vị phối hợp	Kết quả công việc	Thời gian thực hiện
5	Xây dựng Kế hoạch phát triển doanh nghiệp công nghệ số	Sở TT&TT	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Kế hoạch của UBND tỉnh	
V	Nhóm nhiệm vụ, giải pháp phát triển Xã hội số				
1	Triển khai tuyên truyền về chuyển đổi số, hướng dẫn khuyến khích người dân, doanh nghiệp, du khách sử dụng từng chức năng, ứng dụng cụ thể của chuyển đổi số trên các kênh truyền thông.	Sở TT&TT	Các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Nâng cao nhận thức, tạo sự đồng thuận của người dân tham gia, sử dụng các dịch vụ về chuyển đổi số do cơ quan, doanh nghiệp cung cấp	Cả năm
2	Triển khai hệ thống cáp quang đến 100% hộ gia đình và đơn vị hành chính cấp xã, thôn trên địa bàn tỉnh	Doanh nghiệp viễn thông	Sở TT&TT	Hoàn thiện hạ tầng số, đảm bảo mạng cáp quang có khả năng cung cấp đến 100% hộ gia đình và đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn tỉnh	Cả năm
3	Triển khai, phổ cập dịch vụ mạng di động 4G/5G và điện thoại di động thông minh đảm bảo 100% người dân có điện thoại di động thông minh	Doanh nghiệp viễn thông	Sở TT&TT	Phổ cập dịch vụ mạng di động 4G, từng bước thí điểm triển khai mạng 5G cung cấp dịch vụ mạng không dây tốc độ nhanh hơn cho các thiết bị di động	Cả năm
4	Đào tạo tập huấn, Tiếp tục triển khai có hiệu quả hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở TT&TT	Tổ công nghệ số cộng đồng tích cực triển khai đi từng ngõ, gõ từng nhà, hướng dẫn từng người truy cập, sử dụng dịch vụ công trực tuyến.	Cả năm
5	Tổ chức tuyên truyền, tập huấn hướng dẫn về chuyển đổi số cho người dân; Phổ cập cho người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến; phổ cập cho người dân trưởng thành sử dụng chữ ký số cá nhân;	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở TT&TT	Phổ cập cho người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến; phổ cập cho người dân trưởng thành sử dụng chữ ký số cá nhân; phổ cập cho người dân sử dụng ứng dụng thanh toán số; phổ cập cho người dân	Cả năm

TT	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì triển khai	Đơn vị phối hợp	Kết quả công việc	Thời gian thực hiện
	phổ cập cho người dân sử dụng ứng dụng thanh toán số; phổ cập cho người dân được bảo đảm an toàn thông tin mạng ở mức cơ bản			được bảo đảm an toàn thông tin mạng ở mức cơ bản	
6	Triển khai thực hiện chuyển đổi số trong trường học, ứng dụng công nghệ số hiệu quả trong công tác quản lý, quản trị nhà trường; trong công tác giảng dạy và học tập.	Sở Giáo dục và Đào tạo	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Các trường học ứng dụng công nghệ số trong công tác quản lý, công tác giảng dạy và học tập.	Cả năm
7	Đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt trong các trường học, cơ sở giáo dục và bệnh viện, cơ sở y tế tại địa phương, trong các chợ, hộ kinh doanh,...	Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Y tế	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Các trường học, cơ sở giáo dục và bệnh viện, cơ sở y tế tại địa phương, các chợ, hộ kinh doanh,... thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt	Cả năm
VI	Chuyển đổi số trong xây dựng Nông thôn mới				
	Triển khai chuyển đổi số trong xây dựng Nông thôn mới	Sở TT&TT	Sở NN&PTNT; UBND cấp huyện	Theo chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới	Cả năm